



CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SAIGON

SAIGON PLANT PROTECTION JOINT STOCK COMPANY

Khu phố 1, Đường Nguyễn Văn Quý,
Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. HCM.

ĐT: (+84.8) 3873 3295 - 3873 1149 - Fax: (+84.8) 3873 3003

<http://www.spchcmc.com.vn>

ISO 9001 : 2008

ISO / IEC 17025



HÀNG VIỆT NAM CHẤT LƯỢNG CAO
LIÊN TỤC TỪ NĂM 2005 ĐẾN NAY



CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

SPC Xanh, Thêm Xanh



Nền tảng cho
TĂNG TRƯỞNG



2015
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

www.spchcmc.com.vn



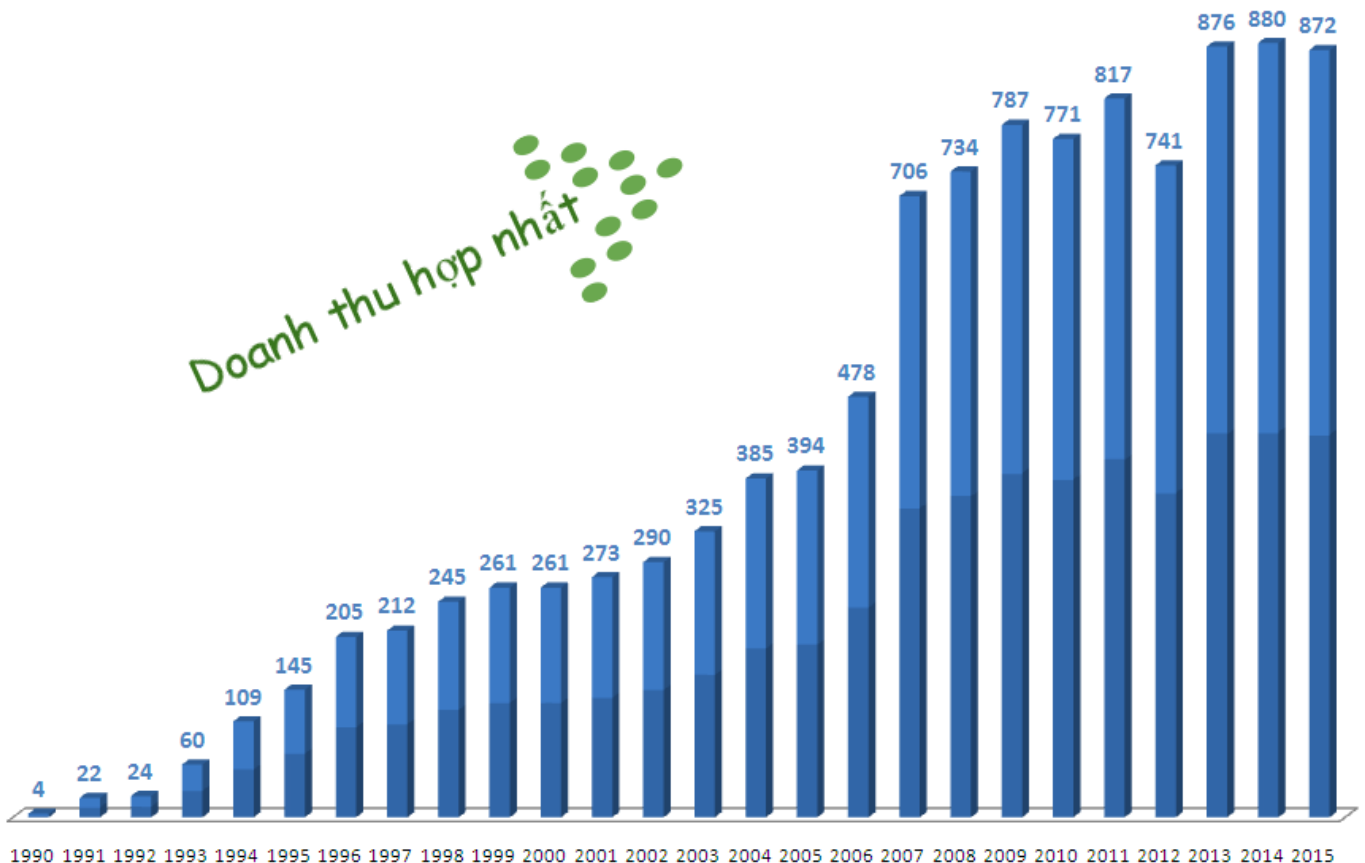


NỀN TẢNG CHỖ TĂNG TRƯỞNG

Trải qua chặng đường 27 năm hình thành và phát triển, trong đó hơn 7 năm chuyển đổi từ mô hình công ty nhà nước sang cổ phần, SPC luôn được biết đến là một trong những công ty đầu ngành thuốc bảo vệ thực vật.

Với hơn 80 sản phẩm thuốc, 12 năm liền được bình chọn là hàng Việt Nam chất lượng cao, cùng hệ thống phân phối rộng khắp trong và ngoài nước với 15 chi nhánh, 01 trạm dịch vụ, gần 1000 đại lý, 02 thị trường tại Campuchia và Lào, thương hiệu SPC luôn được bà con nông dân tin dùng.

Trên nền tảng đã dày công xây dựng từ năm 1989, Công ty cổ phần Bảo vệ thực Sài Gòn phấn đấu cho mục tiêu tăng trưởng, tầm nhìn trở thành công ty dịch vụ nông nghiệp nhiệt đới hàng đầu.



NỘI DUNG



GIỚI THIỆU CÔNG TY

Thông tin khái quát	07
Lịch sử hình thành và phát triển	09
Phạm vi và mạng lưới	11
Cơ cấu sản phẩm	13
Tầm nhìn, sứ mạng; Mục tiêu, chiến lược	15
Phân tích SWOT	19



TỔ CHỨC, NHÂN SỰ VÀ CỔ ĐÔNG

Cơ cấu quản trị	23
Thành viên Hội đồng quản trị	25
Thành viên Ban kiểm soát	27
Ban Giám đốc, kế toán trưởng	29
Nhân sự	31
Cổ đông	33



QUÁ TRÌNH 7 NĂM CỔ PHẦN HOÁ

Kết quả kinh doanh	39
Bảng Cân đối kế toán, Lưu chuyển tiền tệ	41
Các tỉ số tài chính	43
Quá trình cổ phần hóa	44



BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

Báo cáo của Ban Điều Hành	47
Báo cáo của Hội Đồng Quản Trị	53
Báo cáo của Ban Kiểm Soát	61



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo của Ban Giám đốc	69
Báo cáo Kiểm toán độc lập	71
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	73
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	75
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	76
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	78



GIỚI THIỆU CÔNG TY

Khái quát; Ngành nghề; Quá trình hình thành và phát triển; Mạng lưới; Sản phẩm; Tầm nhìn, sứ mạng; Mục tiêu, chiến lược

Xí nghiệp Sản xuất thuốc Bảo vệ thực vật Sài Gòn ở KCN Hiệp Phước



Thông tin khái quát

Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0300632232 do Sở KHĐT TP.HCM cấp đăng ký lần đầu ngày 14/06/2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 21/05/2015

Vốn điều lệ: 105.300.000.000 đồng

Địa chỉ: KP.1, Nguyễn Văn Quy, P. Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp.HCM

Số điện thoại: 08.38733666

Số fax: 08.38733391 - 08.38733003

Website: www.spchcmc.vn

Mã cổ phiếu : SPC





2015

.....



Ngành nghề kinh doanh chính

Sản xuất, gia công, mua bán, sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật

Sản xuất, gia công, mua bán phân bón, giống cây trồng

Kinh doanh thuốc thú y

Mua bán hóa chất (trừ hóa chất có tính chất độc hại mạnh)

Dịch vụ tư vấn về trồng trọt

Dịch vụ xông hơi khử trùng

Dịch vụ xử lý chất thải, phân tích mẫu hóa chất

Đầu tư nghiên cứu khoa học kỹ thuật nông nghiệp và kỹ thuật phát triển máy móc thiết bị phục vụ sản xuất nông nghiệp



27 NĂM HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



Đầu tư thành lập:
Xí nghiệp Thuốc Bảo vệ Thực vật Saigon
tại KCN Hiệp Phước



2007

Đăng ký giao dịch
UPCOM
2010

Doanh thu
gần 900 tỉ đồng
2015

2011

Tăng vốn thành công
lên 105,3 tỉ đồng

2008



09/6/2008, Đại hội cổ đông lần đầu
14/6/2008 Công ty cổ phần Bảo vệ Thực vật
Saigon chính thức hoạt động theo mô hình mới

2006



Đầu tư thành lập
Công ty Nông nghiệp Saigon-Pakse
tại Champasak, Lào

NHỮNG GHI NHẬN

- Huân chương Lao động hạng II của Chủ tịch Nước CHXHCN Việt Nam ngày 11/02/2004 về "thành tích xuất sắc trong công tác từ 1998 - 2002 góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc.
- Huân chương Lao động hạng III của Chủ tịch Nước CHXHCN Việt Nam ngày 12/8/1997 về "Thành tích xuất sắc trong công tác từ 1992 - 1996 góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc.
- Bằng khen, cờ thi đua của Ủy Ban Nhân Dân Thành Phố Hồ Chí Minh liên tục từ năm 1993 - 2007.
- Biểu trưng "SPC" liên tục được bình chọn Hàng Việt Nam Chất Lượng Cao từ năm 2005 đến nay.
- Chứng nhận của tổ chức Quacert và BVQI công nhận đạt hệ thống quản lý chất lượng theo ISO 9001: 2008 và ISO IEC 17025 từ năm 2001 cho đến nay.
- Chứng nhận ISO 14001

SPC được thành lập từ năm 1989, với 30 cán bộ công nhân viên sản xuất kinh doanh 03 sản phẩm thuốc bảo vệ thực vật chủ yếu được tiêu thụ tại Tp.Hồ Chí Minh. Đến nay, SPC đã có hơn 475 cán bộ công nhân viên với hơn 80 sản phẩm thuốc BVTV và có hệ thống phân phối và dịch vụ rộng khắp trên cả nước với 15 Chi nhánh, 01 Trạm dịch vụ và gần 1000 đại lý; 01 Siêu thị Nông nghiệp; 01 Xí nghiệp sản xuất thuốc BVTV tại Tp.Hồ Chí Minh; và một số cửa hàng giới thiệu sản phẩm, văn phòng đại diện.

Bên cạnh thị trường Việt Nam, SPC còn có hoạt động tại các nước như: Lào, Myanmar và Campuchia. Đặc biệt thị trường tại Campuchia phát triển rất tốt, năm 2015 doanh thu tại Campuchia tăng 7 lần so với năm 2009.

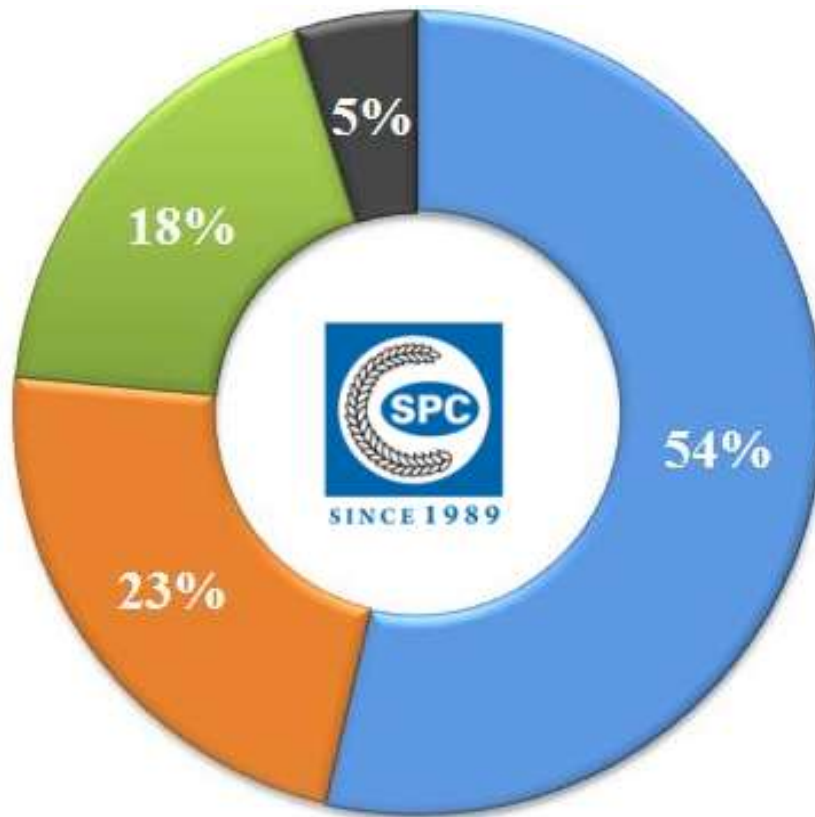
VPĐD
MYANMAR



Mạng lưới Chi nhánh trong và ngoài nước



CƠ CẤU SẢN PHẨM NĂM 2015



- THUỐC TRỪ CỎ
- THUỐC TRỪ SÂU
- THUỐC TRỪ BỆNH
- KHÁC

Thuốc trừ bệnh:

Là nhóm sản phẩm phụ thuộc vào tình hình thời tiết nhất, theo đó doanh số cũng chuyển biến theo tình hình dịch bệnh trong năm. Trong năm 2015, doanh số nhóm thuốc trừ bệnh chỉ chiếm khoảng 18% tổng doanh số SPC



Thuốc trừ cỏ: do thị trường thuốc trừ cỏ tương đối ổn định, ít phụ thuộc vào yếu tố thời tiết nên cũng như một số công ty khác trong ngành thì nhóm thuốc trừ cỏ của SPC chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu sản phẩm của Công ty với 54%.

Thuốc trừ cỏ lúa



Thuốc trừ cỏ cạn



Thuốc trừ sâu: không như nhóm thuốc cỏ, nhóm sản phẩm thuốc trừ sâu này phụ thuộc khá nhiều vào tình hình thời tiết, doanh số nhóm thuốc trừ sâu chiếm khoảng 23% tổng doanh số của công ty trong năm 2015



VĂN HÓA CÔNG TY



TẦM NHÌN

Trở thành Công ty dịch vụ nông nghiệp nhiệt đới hàng đầu - Nơi tiên phong ứng dụng các phát minh và công nghệ mới.

SỨ MẠNG

Cung cấp những sản phẩm, dịch vụ chất lượng thỏa mãn ước vọng vì một nền nông nghiệp xanh và bền vững.

Thành tựu

Sự thỏa mãn khách hàng, người lao động, cộng đồng, và các cổ đông là cơ sở của việc đánh giá những thành tựu của chúng tôi.

Chúng tôi luôn biết trân trọng những thành tựu của mình và niềm vinh dự, tự hào của chúng tôi đến từ những thành tựu của chúng tôi.

Thông qua những thành tựu, chúng tôi được nhận biết, được tôn trọng bởi các đối tác, bởi cộng đồng, và các cổ đông.

Những thành tựu mà chúng tôi đạt được mang lại những lợi ích thỏa đáng cho khách hàng của chúng tôi, các cổ đông của chúng tôi, những người lao động của chúng tôi, và cộng đồng ở những nơi chúng tôi sống và làm việc.

Đồng đội

Làm việc đồng đội là cách thức để chúng tôi thỏa mãn tốt các nhu cầu và mong đợi của khách hàng của chúng tôi.

Chúng tôi làm việc đồng đội trong từng đơn vị, giữa các đơn vị, với các đối tác bên ngoài, và với khách hàng của chúng tôi để thực hiện với chất lượng cao nhất những cam kết của chúng tôi.

Không có người chiến thắng trong đội thất bại, và cũng sẽ không có người thất bại trong đội thành công.

Chúng tôi là một gia đình lớn trong đó các thành viên tin cậy, tôn trọng, và chăm sóc lẫn nhau.

Chúng tôi nuôi dưỡng những ước mơ, khát vọng, và những đam mê về một nền nông nghiệp xanh và bền vững, và những giá trị gia tăng ngày càng cao cho những khách hàng của chúng tôi.

Học tập và phát triển là phong cách sống của mỗi thành viên và toàn bộ tổ chức. Mỗi người chúng tôi thường xuyên học tập và phát triển để hiện thực hóa những ước mơ, khát vọng, và những đam mê của chúng tôi.

Thông qua học tập, nghiên cứu, và phát triển, chúng tôi định hướng hành động vào việc liên tục hoàn thiện việc thực hiện của mình để tạo ra sự phát triển bền vững cho công ty.

Chuyên nghiệp

Chuyên nghiệp thể hiện ở chất lượng công việc cao. Tính chuyên nghiệp đòi hỏi trách nhiệm cá nhân, sự dấn thân, và những phương pháp làm việc hiệu quả.

Chúng tôi luôn tận tâm cao với công việc và với đồng sự với một ý chí vượt qua mọi thách thức. Hành động của mỗi người chúng tôi luôn thể hiện các tiêu chuẩn nghề nghiệp cao.

Chúng tôi chịu trách nhiệm với những kết quả làm việc của mình. Chúng tôi luôn kiên trì và làm việc hết mình để thực hiện tốt những cam kết nhằm thỏa mãn những nhu cầu và mong muốn của khách hàng.

Chúng tôi mở rộng tự chủ để đảm bảo sử dụng các nguồn lực với hiệu suất cao nhất cho việc thực hiện tốt các công việc và những cam kết với khách hàng. Các thành viên trong toàn công ty được trao quyền để tự do làm những điều đúng.

Đổi mới

Liên tục hoàn thiện, phát triển, và đổi mới là cách thức để chúng tôi hiện thực hóa những ước mơ, khát vọng, và đam mê của mình. Chúng tôi luôn cố gắng học tập, nghiên cứu, và phát triển để có chất lượng công việc cao hơn và thỏa mãn tốt hơn các nhu cầu và mong đợi của khách hàng.

MỤC TIÊU, CHIẾN LƯỢC

1. Tạo sự gắn bó, trung thành của khách hàng

- Duy trì và thâm thấu sâu vào thị trường hiện tại: tạo ra sự thỏa mãn và sự trung thành của khách hàng với Công ty
- Sử dụng danh tiếng và sức mạnh của hệ thống hiện tại mở rộng sang những thị trường mới
- Phát triển các chiến lược phát triển Thị trường-Sản phẩm phù hợp với từng thị trường trong từng giai đoạn

2. Phản ứng nhanh với thông tin và thị trường

- Phát triển hệ thống hoạch định, dự báo và thông tin thị trường, cạnh tranh: về sản xuất, sản phẩm, nguyên vật liệu, và khách hàng
- Theo dõi chặt chẽ những biến động của môi trường kinh doanh

3. Nâng cao năng lực sản xuất và kinh doanh

- Đầu tư trang thiết bị để nâng cao năng lực sản xuất
- Phát triển ứng dụng các sản phẩm của công ty trên cơ sở khai thác những khả năng quan hệ hợp tác với các đối tác để chuyển giao công nghệ
- Phát huy tối đa hiệu quả của việc sử dụng nguồn lực cho các nhu cầu phát triển
- Xây dựng và phát triển các liên minh chiến lược cho sự phát triển bền vững và cùng có lợi

4. Nâng cao năng lực của hệ thống quản lý

- Phát huy tính năng động sáng tạo của toàn thể hệ thống
- Xây dựng cơ chế hợp tác và phối hợp chặt chẽ giữa các đơn vị và các cá nhân
- Xây dựng hệ thống mở, huy động tốt nguồn lực trong công ty và xã hội
- Tối đa hóa việc sử dụng các nguồn lực sẵn có của công ty và khai thác có hiệu quả các nguồn vốn trong xã hội cho sự phát triển của công ty
- Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

Tạo sự gắn bó, trung thành của khách hàng

Phản ứng nhanh với thông tin và thị trường

Nâng cao năng lực sản xuất và kinh doanh

Nâng cao năng lực của hệ thống quản lý





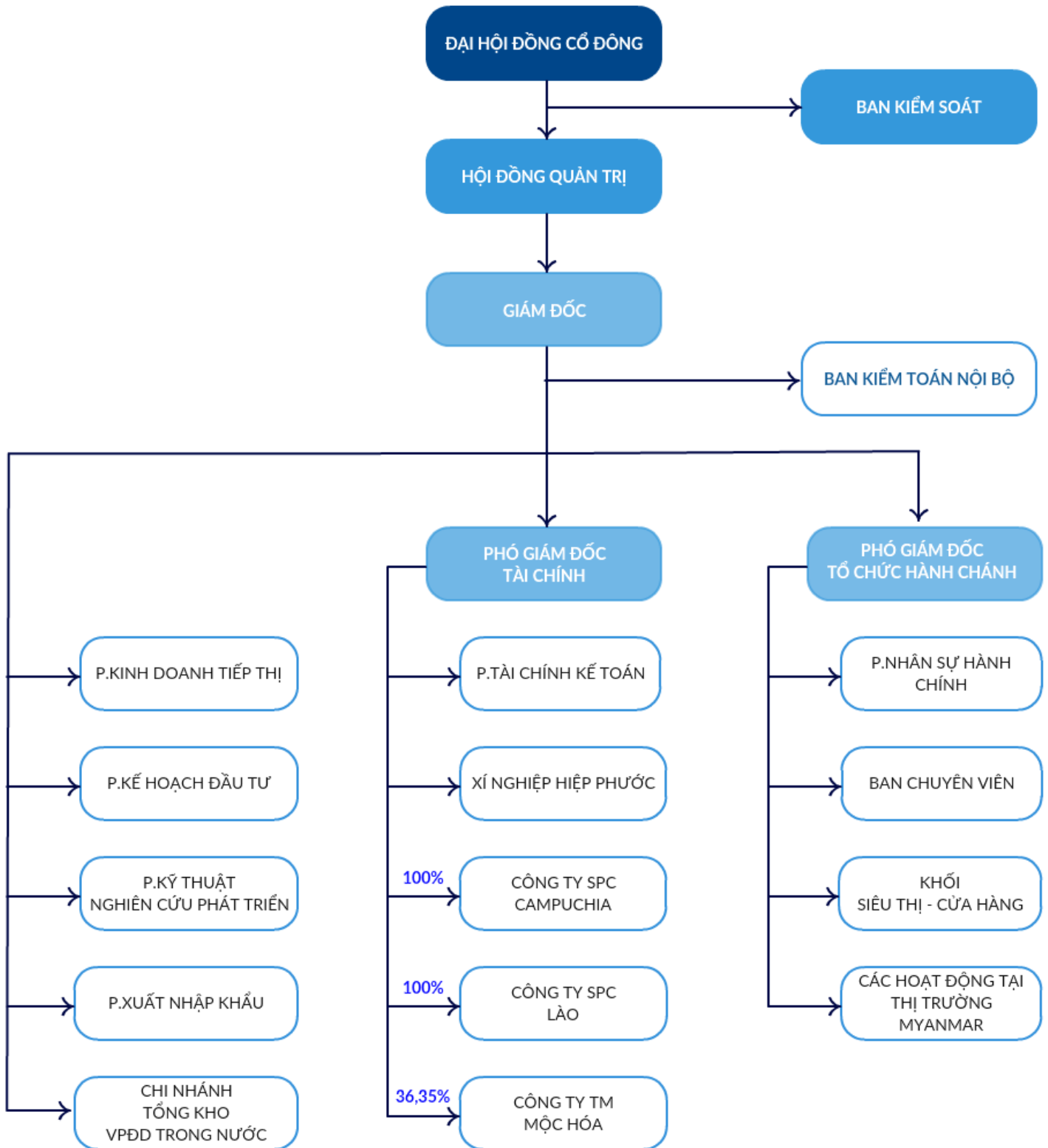
PHÂN TÍCH SWOT







CƠ CẤU QUẢN TRỊ



Công ty con, liên kết	HĐKD chính	VĐL thực góp
Công ty TNHH BVTV Sài Gòn - Lào	Kinh doanh ngành nông nghiệp	19.332.237.752 đ
CTCP BVTV Sài Gòn - Cambodia	Kinh doanh ngành nông nghiệp	1.895.355.000 đ
CTCP Thương mại Mộc Hóa	Kinh doanh ngành nông nghiệp	7.510.164.939 đ

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



BÀ NGUYỄN THỊ HỒNG ÁNH
CHỦ TỊCH HĐQT

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài chính Nông nghiệp, Cao cấp chính trị

Cổ phiếu sở hữu cá nhân: 21.190

Chức vụ đảm nhiệm: chủ tịch HĐQT SPC

Quá trình công tác :

- 1984 – 1992: *Kế toán trưởng Chi cục bảo vệ thực vật - Sở Nông Nghiệp.*
- 1992 – 2004: *Kế toán trưởng Công ty Thuốc trừ sâu Sài Gòn.*
- 2004 – 2005: *Kế toán trưởng Công ty TNHH 1 TV Bảo vệ Thực vật Sài Gòn.*
- 2005 – 2008: *Phó Giám Đốc Công ty TNHH 1 TV Bảo vệ thực vật Sài Gòn.*
- 2008 – 2010: *Thành viên HĐQT, Phó Giám Đốc CTCP Bảo vệ Thực vật Sài Gòn.*
- 2010-04/2015: *Thành viên HĐQT, Giám Đốc CTCP Bảo vệ Thực vật Sài Gòn.*
- Từ 24/04/2015 đến nay: *Chủ tịch HĐQT SPC*

Quốc tịch: Việt Nam



ÔNG NGUYỄN QUỐC DŨNG
THÀNH VIÊN HĐQT

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh, Cử nhân luật, Trung cấp chính trị

Cổ phiếu sở hữu cá nhân: 2.190

Chức vụ đảm nhiệm: thành viên HĐQT, Giám đốc SPC

Quá trình công tác:

- 1993 – 2000: *NV Kinh doanh Xi nghiệp Thuốc trừ sâu Sài Gòn.*
- 2001 - 2002: *Phó Trưởng Trạm Dịch vụ Công ty Thuốc trừ sâu Sài Gòn.*
- 2002 - 2003: *Quyền trưởng Trạm Dịch vụ Công ty Thuốc trừ sâu Sài Gòn.*
- 2003 - 2004: *Phó Phòng Marketing Công ty Thuốc trừ sâu Sài Gòn.*
- 2004 - 2005: *Phó Phòng Marketing Công ty TNHH MTV BVTV Sài Gòn.*
- 2005 - 2007: *Phó Phòng KD Công ty TNHH Một thành viên BVTV Sài Gòn*
- 2007 - 06/2008: *Phó Phòng KH- KD Công ty TNHH MTV BVTV Sài Gòn.*
- 06/2008 – 10/2008: *Phó Phòng KH - KD CTCP Bảo vệ Thực vật Sài Gòn.*
- 10/2008 - 08/2009: *Trưởng gPhòng KH KD CTCP BVTV Sài Gòn.*
- 09/2009 – 04/2015: *Phó Giám đốc KD trong nước CTCP BVTV Sài Gòn.*
- 04/2015 đến nay: *Thành viên HĐQT, Giám đốc CTCP Bảo vệ Thực vật Sài Gòn*

Quốc tịch: Việt Nam



BÀ NGUYỄN THỊ THÚY
THÀNH VIÊN HĐQT

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Cổ phiếu sở hữu cá nhân: 0

Chức vụ đảm nhiệm: thành viên
HĐQT SPC, Kế toán trưởng TCT
Nông Nghiệp Sài Gòn

Quá trình công tác:

- 1990 - 1993: Kế Toán XN SX quá bóng bàn, Công ty XNK hàng công nghiệp.
- 1994 - 1997: Kế toán Trưởng TNHH Hoa Danh, Liên doanh Việt Lãng.
- 1998 - 2000: CV Kế toán Thương xá Tax thuộc TCT TM Sài Gòn
- 2001 - 2007: Phó phòng Kế toán Siêu thị Sài Gòn thuộc TCT TM Sài Gòn
- 2007 - 2008: Cửa hàng Phó Siêu thị Sài Gòn thuộc TCT TM Sài Gòn
- 2008 - 2011: Cửa hàng Trưởng Siêu thị Bàu Cát, Siêu thị Sài Gòn
- 2011 - 2014: Phó Giám Đốc Siêu thị Sài Gòn thuộc TCT TM Sài Gòn
- 2014 - 2015: Phó Giám Đốc Công ty Phát triển Kinh tế Duyên Hải thuộc TCT TM Sài Gòn
- Từ 2015: Kế toán trưởng TCT Nông Nghiệp Sài Gòn
- Từ 24/4/2015: Thành viên Hội đồng quản trị SPC

Quốc tịch: Việt Nam



ÔNG ĐẶNG THANH CƯỜNG
THÀNH VIÊN HĐQT

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư
Nông nghiệp, Cao cấp chính trị

Cổ phiếu sở hữu cá nhân: 0

Chức vụ đảm nhiệm: thành viên
HĐQT SPC

Quá trình công tác:

- Từ năm 1979 đến 1985 : CV Trung tâm BVTV phía nam Tiền Giang
- 1985 – 2015: công tác tại Công ty cổ phần Nông dược H.A.I
- Từ 26/04/2013: thành viên HĐQT CTCP Bảo vệ Thực vật Sài Gòn

Quốc tịch: Việt Nam



ÔNG PHAN VĂN SANG
THÀNH VIÊN HĐQT

Trình độ chuyên môn: Trung cấp Xét nghiệm

Cổ phiếu sở hữu cá nhân:
198.120

Chức vụ đảm nhiệm: thành viên
HĐQT SPC

Quá trình công tác:

- Từ 1983 – 1989: công tác tại Biện viện Đa khoa Phú Tân – An Giang.
- Từ 1990 – nay: chủ cửa hàng kinh doanh thuốc BVTV – đại lý của SPC
- 06/2008 – nay: Thành Viên HĐQT SPC

Quốc tịch: Việt Nam

BAN KIỂM SOÁT



ÔNG TRẦN ĐÌNH VŨ
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

Trình độ chuyên môn : Kế toán doanh nghiệp, chứng chỉ kế toán trưởng

Cổ phiếu sở hữu cá nhân: 100

Chức vụ đảm nhiệm: Trưởng Ban kiểm soát SPC

Quá trình công tác :

- 07/2007-03/2009: Kế toán kho Công ty TNHH Khang Cát
- 04/2009: Kế toán CTCP Bảo vệ Thực vật Sài Gòn
- 05/2009-08/2014: Kế toán trưởng SPC Lào
- 09/2014-12/2014: Kế toán công nợ CTCP Bảo vệ Thực vật Sài Gòn
- 01/2015-01/2016: Phụ trách kế toán Xí nghiệp BVTV Sài Gòn ở KCN Hiệp Phước
- Thành viên Ban kiểm soát SPC từ ngày 09/11/2015
- Từ 27/01/2016: Trưởng Ban kiểm soát SPC

Quốc tịch: Việt Nam

**BÀ VÕ NGỌC LAN CHI****THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT**

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Cổ phiếu sở hữu cá nhân: 0

Chức vụ đảm nhiệm: TV Ban kiểm soát SPC

Quá trình công tác

- 1990-2001: Kế toán công ty Chế biến THS XK Việt Phú
- 2001-2006: Phó phòng TCKT công ty Chế biến THS XK Việt Phú
- 2006-2010: Kế toán công ty Dịch vụ Nông nghiệp Sài Gòn và Văn phòng TCT Nông nghiệp Sài Gòn
- Từ 2010 đến nay: Phó phòng TCKT Tổng công ty Nông nghiệp Sài Gòn
- Từ 23/03/2011-26/01/2016: Trưởng Ban kiểm soát SPC
- Từ 27/01/2016: Thành viên Ban kiểm soát SPC

Quốc tịch: Việt Nam

**BÀ MAI THỊ LỆ KHUYÊN****THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT**

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán

Cổ phiếu sở hữu cá nhân: 2.600

Chức vụ đảm nhiệm: TV Ban kiểm soát SPC

Quá trình công tác

- 1986-1989 : NV Kế toán Thống kê Công ty Xây dựng Thủy điện Trị An
- 1989-1991 : NV Kế toán Công ty Thủy sản KV3
- 1992-1995 : NV hành chính Công ty Vật phẩm Văn hóa TP.HCM
- 1996-9/2004 : NV Thủ kho, Thủ quỹ, Kế toán Công ty Vật phẩm Văn hóa TP.HCM
- 10/2004 – 2008 : NV Tổng hợp – Tài chính, Phòng Quảng bá, Công ty TNHH Một thành viên Bảo vệ Thực vật Sài Gòn
- 2008 – 2009 : Nhân viên Tổng hợp – Tài chính Phòng Marketing SPC
- Từ Tháng 10/2009 đến Tháng 7/2012: Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ SPC
- Từ Tháng 4/2010 đến Tháng 4/2015: Thành viên, Trưởng Ban Kiểm soát Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Thương mại Mộc Hóa
- Từ Tháng 6/2008 đến nay: Thành viên Ban kiểm soát SPC

Quốc tịch: Việt Nam

BAN GIÁM ĐỐC,



ÔNG NGUYỄN QUỐC DŨNG
GIÁM ĐỐC

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh, Cử nhân luật, Trung cấp chính trị

Cổ phiếu sở hữu cá nhân: 2.190

Chức vụ đảm nhiệm: thành viên HĐQT, Giám đốc SPC

Quá trình công tác:

- 1993 – 2000: NV Kinh doanh Xi nghiệp Thuốc trừ sâu Sài Gòn.
- 2001 - 2002: Phó Trưởng Trạm Dịch vụ Công ty Thuốc trừ sâu Sài Gòn.
- 2002 - 2003: Quyền trưởng Trạm Dịch vụ Công ty Thuốc trừ sâu Sài Gòn.
- 2003 - 2004: Phó Phòng Marketing Công ty Thuốc trừ sâu Sài Gòn.
- 2004 - 2005: Phó Phòng Marketing Công ty TNHH MTV BVTV Sài Gòn.
- 2005 - 2007: Phó Phòng KD Công ty TNHH Một thành viên BVTV Sài Gòn
- 2007 - 06/2008: Phó Phòng KH- KD Công ty TNHH MTV BVTV Sài Gòn.
- 06/2008 – 10/2008: Phó Phòng KH - KD CTCP Bảo vệ Thực vật Sài Gòn.
- 10/2008 - 08/2009: Trưởng Phòng KH- KD CTCP BVTV Sài Gòn.
- 09/2009 – 04/2015: Phó Giám đốc KD trong nước CTCP BVTV Sài Gòn.
- 04/2015 đến nay: Thành viên HĐQT, Giám đốc CTCP Bảo vệ Thực vật Sài Gòn

Quốc tịch: Việt Nam



ÔNG ĐIỀU QUANG TRUNG
PHÓ GIÁM ĐỐC

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Kế toán – Kiểm toán

Cổ phiếu sở hữu cá nhân: 1.610

Chức vụ đảm nhiệm: Phó Giám đốc SPC, phụ trách Tài chính

Quá trình công tác:

- 2000 – 2003 Kế toán Tổng hợp tại Công ty CP Thủy Tinh Gò Vấp
- 2003 – 2004 Phó phòng Tư vấn & Triển Khai Công ty Diginet
- 2004 – 2007 Kế toán Tổng hợp Công ty SPC
- 2007 – 2008 Phó phòng Kế toán Công ty SPC
- 2008 – 2009 Trưởng bộ phận Kế toán Công ty SPC
- 2009 – 2011 Phụ trách phòng TCKT kiêm Kế toán trưởng Công ty SPC
- 2011 - 04/2015 Trưởng phòng TCKT kiêm Kế toán trưởng Công ty SPC
- Từ 04/2015: Phó Giám đốc Công ty SPC, phụ trách tài chính

Quốc tịch: Việt Nam

KẾ TOÁN TRƯỞNG



BÀ NGUYỄN NGỌC BÍCH

PHÓ GIÁM ĐỐC

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế QTKD

Cổ phiếu sở hữu cá nhân: 0

Chức vụ đảm nhiệm: Phó Giám đốc SPC, phụ trách NSHC

Quá trình công tác:

- 1987 – 1994: Nhân viên LĐTL, Cty XNK Nông Lâm Hải Sản
- 1994 – 2008: Phó Phòng TCLĐTL, Cty XNK Nông Lâm Hải Sản
- 2009 – 2011: Trưởng Phòng TCLĐTL, Cty TNHH MTV XNK Nông Lâm Hải Sản.
- 2011 – 12/2013: Trưởng Phòng Kinh Doanh Dịch Vụ, Cty TNHH MTV XNK Nông Lâm Hải Sản.
- 12/2013 đến nay: Phó Giám Đốc Công ty Cổ Phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn phụ trách Nhân sự hành chính

Quốc tịch: Việt Nam



BÀ BÙI THỊ ÁNH TUYẾT

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Trình độ chuyên môn: cử nhân Tài chính kế toán

Cổ phiếu sở hữu cá nhân 16.500

Chức vụ đảm nhiệm: Kế toán trưởng SPC

Quá trình công tác:

- 01/2000-06/2001: thư ký P.Kinh doanh công ty TNHH Khải Nguyên
- 07/2001-10/2001: NV tổng hợp sản xuất CTCP BVTV Sài Gòn
- 11/2001-07/2004: NV kế toán phải thu CTCP BVTV Sài Gòn
- 08/2004-06/2007: NV kế toán thanh toán CTCP BVTV Sài Gòn
- 07/2007-06/2009: Kế toán trưởng Xi nghiệp BVTV Sài Gòn ở KCN Hiệp Phước
- 07/2009-10/2011: Trưởng bộ phận kế toán CTCP BVTV Sài Gòn
- 11/2011-05/2015: Phó phòng TCKT, CTCP BVTV Sài Gòn
- Từ 06/2015: Trưởng phòng TCKT, CTCP BVTV Sài Gòn

Quốc tịch: Việt Nam

Giao dịch cổ phiếu SPC: mua 4.900, bán 4.900

Chế độ làm việc

Công ty luôn tuân thủ quy định của pháp luật về lao động như: thời gian làm việc 07 giờ 30 phút /ngày và chế độ nghỉ ngơi hợp lý. Thời gian nghỉ phép, lễ tết, ốm, thai sản tuân thủ theo đúng quy định của Luật lao động.

Chính sách đào tạo

Liên tục hoàn thiện, phát triển và đổi mới là cách thức để SPC hiện thực hóa những ước mơ, khát vọng và đam mê của mình. Do đó, CBCNV của SPC luôn cố gắng học tập, nghiên cứu và phát triển để có chất lượng công việc cao hơn và thỏa mãn tốt hơn các nhu cầu và mong đợi của khách hàng. Học tập và phát triển là phong cách sống của mỗi thành viên và toàn bộ tổ chức. Thông qua học tập, nghiên cứu và phát triển chúng tôi định hướng hành động vào việc liên tục hoàn thiện việc thực hiện của mình để tạo ra sự phát triển bền vững cho công ty.

Do đó, đào tạo để phát triển là một chính sách rất được coi trọng tại SPC. Công ty coi đào tạo là phương thức hỗ trợ quá trình phát triển nghề nghiệp cho nhân viên. Do đó, mọi thành viên đều được khuyến khích nâng cao trình độ và kiến thức, dù bằng hình thức tham gia các khoá học của Công ty tổ chức hay qua các lớp bên ngoài. Đào tạo tại chỗ chiếm một vai trò quan trọng và cũng được tập trung đặc biệt. Phần lớn thành viên mới gia nhập Công ty đều được đào tạo theo phương thức một kèm một. Khi cần thiết, chúng tôi tạo điều kiện cho nhân viên có cơ hội tham khảo kinh nghiệm nước ngoài để trau dồi, cập nhật kiến thức.

Chính sách tiền lương, thưởng

Chính sách tiền lương, thù lao, phụ cấp của SPC được xây dựng với mục tiêu: công bằng, nâng cao hiệu quả làm việc và tăng cường sự gắn bó lâu dài của các thành viên. Mức lương và phụ cấp của SPC rất cạnh tranh trong ngành BVTV và nằm trong nhóm những doanh nghiệp sản xuất thuốc BVTV hàng đầu Việt Nam. Lương và phụ cấp được trả trên căn cứ vào vị trí công việc (mỗi vị trí đòi hỏi mức độ kiến thức, kỹ năng, độ thách thức cũng như trách nhiệm khác nhau), hiệu quả làm việc và thâm niên làm việc của nhân viên. Tất cả vị trí công việc đều được phân tích, đánh giá, chấm điểm chi tiết và xếp vào một hệ thống nhất trong toàn Công ty. Hàng năm, mức cạnh tranh của mặt bằng lương cũng như thu nhập cho từng vị trí công việc đều được công ty sự đánh giá, xem xét và điều chỉnh phù hợp.

NHÂN SỰ

Đến ngày 31/12/2015, tổng số lao động của công ty là 475 người với cơ cấu lao động như sau:

Yếu tố	31/12/2015
Số lượng nhân viên, công nhân	475 người
Theo trình độ chuyên môn	
Tiến sỹ	02 người
Cao học, Thạc sỹ	07 người
Đại học, Cao đẳng	219 người
Trung học chuyên nghiệp	29 người
Lao động phổ thông + LĐ có tay nghề	218 người

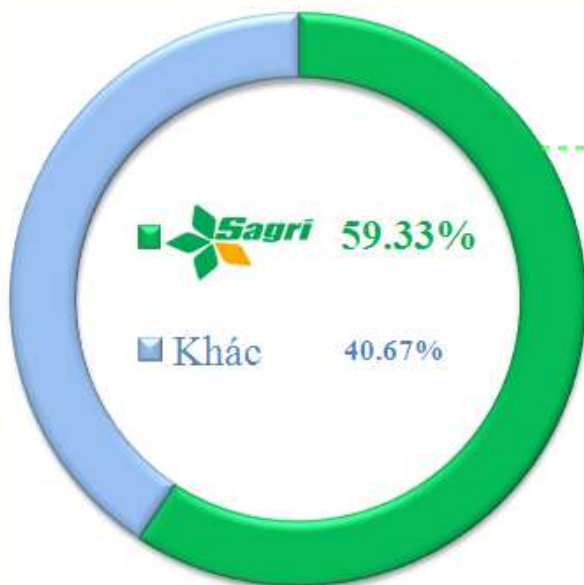


CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Chi tiết cơ cấu cổ đông tính tới ngày 15/10/2015

Danh mục	TRONG NƯỚC		NƯỚC NGOÀI		TỔNG	
	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	SỐ LƯỢNG	TỶ LỆ
1. Cổ đông Nhà nước	6.247.020	59,33%			6.247.020	59,33%
2. Cổ đông khác	3.601.650	34,20%	681.330	6,47%	4.282.980	40,67%
- Cá nhân	2.993.230	28,43%	681.330	6,47%	3.674.560	34,90%
- Tổ chức	608.420	7,67%	0	0%	608.420	7,67%
Tổng	9.848.670	93,53%	681.330	6,47%	10.530.000	100%

TỈ LỆ NẪM GIỮ



CỔ ĐÔNG ĐẠI DIỆN VỐN TỔNG CÔNG TY NÔNG NGHIỆP SÀI GÒN

- ✓ Nguyễn Thị Hồng Ánh
- ✓ Nguyễn Quốc Dũng
- ✓ Nguyễn Thị Thuý

ĐHCD THƯỜNG NIÊN NĂM 2015

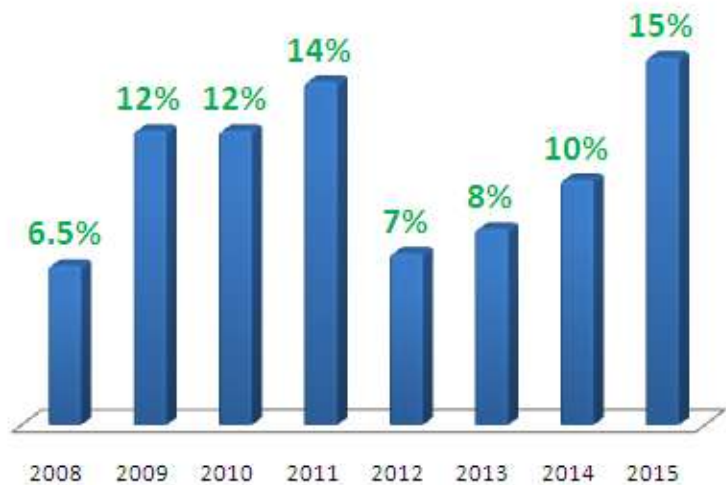


Chính sách cổ tức

Năm 2015 nghị quyết ĐHCD thường niên quyết định chia 15% cổ tức bằng tiền mặt cho các cổ đông.

Chúng tôi quyết định giành gần 54% lợi nhuận sau thuế năm 2015 để chi cổ tức, chia sẻ lợi ích nhiều hơn cho cổ đông.

Cổ tức tiền mặt





Những thành t
tôi đạt được
những lợi ích
cho khách hàn
người lao độn
đồng ở những
tôi sống và l





...tựu mà chúng
...mang lại
...thỏa đáng
...ng, cổ đông,
...ng, và cộng
...nơi chúng
...làm việc.



QUÁ TRÌNH
CỔ PHẦN HOÁ
2009 - 2015 **NHÌN
LẠI**





KẾT QUẢ

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Triệu VNĐ	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015
Doanh thu thuần	786,977	771,286	816,202	752,066	856,805	880,369	872,207
Giá vốn hàng bán	626,437	586,057	608,388	587,097	651,161	666,267	644,455
Lợi nhuận gộp	160,541	185,229	207,814	164,969	205,644	214,102	227,752
Tỉ suất lợi nhuận gộp	20.40%	24.02%	25.46%	21.94%	24.00%	24.32%	26.11%
Doanh thu tài chính	2,161	6,534	3,684	5,010	1,872	3,057	6,340
Chi phí tài chính	32,981	45,637	45,249	16,682	13,931	12,282	21,467
Chi phí bán hàng	91,783	106,252	126,944	112,300	116,400	142,128	151,706
Chi phí quản lý	23,262	25,037	27,147	34,274	39,686	31,046	24,422
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	14,675	14,837	12,158	6,724	37,498	32,733	36,743
Lợi nhuận khác	3,155	3,015	16,255	10,760	-7,587	-539	1,165
Lãi công ty liên kết	0	0	1,533	1,606	1,361	1,029	245
Lợi nhuận trước thuế và chi phí tài chính	50,811	63,490	75,195	35,771	45,204	44,476	59,375
Lợi nhuận trước thuế	17,830	17,853	29,946	19,090	31,272	32,193	37,908
Lợi nhuận sau thuế	15,828	14,757	24,064	13,913	19,949	22,451	28,028
Số lượng cổ phiếu (triệu)	8.10	8.10	10.53	10.53	10.53	10.53	10.53
Thu nhập trên mỗi cổ phiếu	1,954	1,822	2,285	1,321	1,895	2,132	2,662

Số liệu hợp nhất - đã kiểm toán

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Triệu VNĐ	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015
Lưu chuyển tiền thuần	4,834	24,840	-35,131	6,431	222	7,724	25,552
1. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	71,946	1,588	20,149	33,565	34,859	-2,116	38,480
Tiền thu từ bán hàng, dịch vụ	549,440	1,181,739	866,458	859,558	919,532	963,638	
Tiền chi trả hàng hóa và dịch vụ	-532,609	-689,535	-747,974	-739,280	-792,274	-875,572	
Tiền chi trả người lao động	-32,285	-40,127	-51,821	-44,897	-44,551	-51,063	
Tiền chi trả lãi vay	-8,233	-11,078	-13,429	-10,959	-6,987	-5,032	
Tiền nộp thuế thu nhập	-68	-5,414	-4,569	-5,531	-5,859	-7,302	
Tiền thu khác từ HĐKD	545,882	8,497	81,846	21,688	16,878	27,466	
Tiền chi khác cho HĐKD	-450,180	-442,493	-110,362	-47,014	-51,880	-54,252	
2. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ	-14,057	6,389	-2,530	-10,576	2,594	9,970	999
Trong đó tiền chi mua sắm, TSCĐ	-4,147	-2,812	-5,073	-15,598	-3,114	-3,239	-4,097
3. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	-53,055	16,862	-52,751	-16,558	-37,232	-129	-13,927

Số liệu hợp nhất - đã kiểm toán

CÂN ĐỐI

KẾ TOÁN

Triệu VNĐ	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015
Tổng cộng tài sản	471,194	501,866	489,494	479,829	519,642	493,980	552,980
1. TÀI SẢN NGẮN HẠN	365,030	389,236	369,847	365,541	429,405	426,065	491,710
Tiền, tương đương tiền	15,321	40,260	5,999	12,390	12,577	20,318	45,937
Các khoản phải thu ngắn hạn	155,620	160,586	169,353	139,353	185,642	209,831	221,962
Hàng tồn kho	187,790	175,035	177,470	192,205	208,078	187,930	215,454
Các khoản khác	6,299	13,354	17,025	21,593	23,108	7,986	8,357
2. TÀI SẢN DÀI HẠN	106,164	112,630	119,647	114,288	90,238	67,915	61,270
Tài sản cố định	86,043	74,358	79,074	68,982	47,014	32,360	28,042
Bất động sản đầu tư	0	0	0	4,685	4,542	3,330	3,172
Đầu tư tài chính dài hạn	18,848	11,326	12,751	12,558	12,535	10,922	11,167
Các khoản khác	1,274	26,945	27,822	28,062	26,146	21,303	18,889
3. NỢ PHẢI TRẢ	381,287	404,144	352,839	346,251	375,616	338,757	384,859
Vay và nợ ngắn hạn	93,953	125,323	88,663	89,540	69,735	80,885	74,324
Phải trả người bán	199,423	212,161	213,332	207,089	259,677	201,880	243,584
Các khoản nợ ngắn hạn khác	60,840	48,946	32,435	34,716	30,290	42,084	54,089
Nợ dài hạn	27,072	17,714	18,410	14,906	15,914	13,908	12,862
4. VỐN CHỦ SỞ HỮU	89,907	97,722	136,654	133,577	144,027	155,223	168,121

Số liệu hợp nhất - đã kiểm toán

TỈ SỐ TÀI CHÍNH

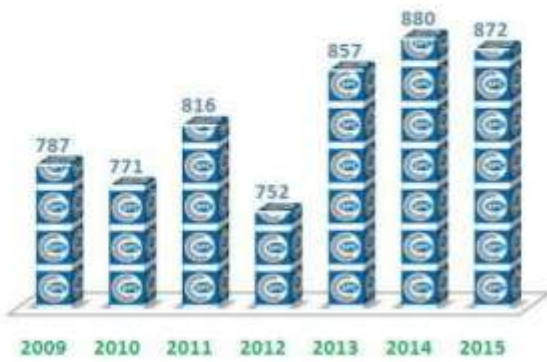


		2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015
KHẢ NĂNG THANH TOÁN								
Thanh toán hiện thời	Tính thanh khoản, khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn	1.03	1.01	1.11	1.10	1.19	1.31	1.32
Thanh toán nhanh	Khả năng thanh toán nhanh các khoản nợ ngắn hạn bằng tiền và thu tiền bán hàng	0.48	0.52	0.52	0.46	0.55	0.68	0.73
Thanh toán lãi vay	Lợi nhuận từ sản xuất kinh doanh để trả lãi vay ngân hàng	2.84	2.55	3.71	2.70	5.51	7.49	12.62
CHỈ TIÊU CƠ CẤU VỐN								
Tổng nợ/Tổng nguồn vốn	Giá trị nợ ngắn hạn và dài hạn trong tổng nguồn vốn	81%	81%	72%	72%	72%	69%	70%
Nợ ngắn hạn/Tổng nguồn vốn	Tỉ trọng nợ ngắn hạn tài trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh tại SPC	75%	77%	68%	69%	69%	66%	67%
Tổng nợ/Vốn chủ sở hữu	Đòn bẩy kinh doanh	4.23	4.14	2.58	2.59	2.61	2.20	2.29
Vay ngân hàng/Vốn chủ sở hữu	Tỉ trọng vay nợ ngân hàng so với vốn chủ sở hữu	119%	137%	73%	73%	51%	53%	44%
CHỈ TIÊU NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG								
Hiệu quả sử dụng tổng tài sản	1 đồng giá trị tài sản sẽ tạo ra bao nhiêu đồng doanh thu	1.65	1.59	1.65	1.55	1.71	1.74	1.66
Vòng quay hàng tồn kho	Hiệu quả luân chuyển hàng tồn kho trong năm	2.7	3.2	3.5	3.2	3.3	3.4	3.2
Vòng quay phải thu thuần kinh doanh	Công tác thu tiền bán hàng, tín dụng ưu đãi cho các đại lý	7.9	5.3	5.7	5.8	5.7	4.5	4.0
CHỈ TIÊU KHẢ NĂNG SINH LỜI								
Tỉ suất lợi nhuận gộp	Mức độ sinh lời và kiểm soát chi phí giá thành sản phẩm	20,40%	24,02%	25,46%	21,94%	24,00%	24,32%	26,11%
Tỉ suất lợi nhuận ròng	100 đồng doanh thu tạo ra bao nhiêu đồng lợi nhuận	2,01%	1,91%	2,95%	1,85%	2,33%	2,55%	3,21%
ROE	Mức độ sinh lời so với vốn góp ban đầu của chủ sở hữu	19,54%	18,22%	22,85%	13,21%	18,95%	21,32%	26,62%
EPS	Thu nhập mỗi cổ phần, giá trị mang lại cho các cổ đông	1.954	1.822	2.285	1.321	1.895	2.132	2.662

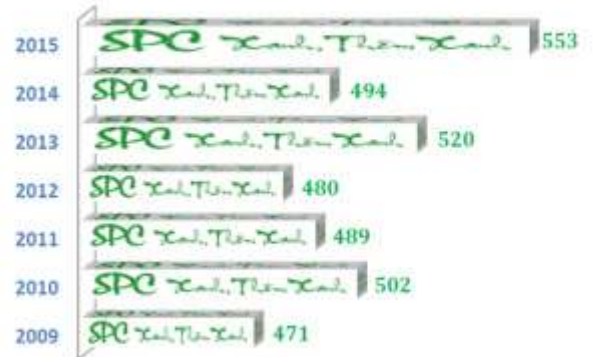
QUÁ TRÌNH CỔ PHẦN HOÁ



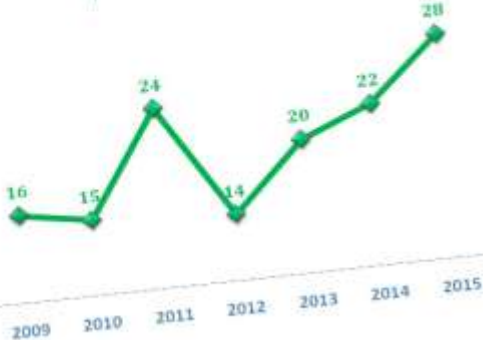
Doanh thu thuần (tỉ đồng)



Tổng tài sản (tỉ đồng)



Lợi nhuận sau thuế (tỉ đồng)



Vốn chủ sở hữu (tỉ đồng)



1989



BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

của

Ban Điều Hành, HĐQT,
Ban Kiểm soát

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

1. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2015

1.1 ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH NĂM 2015

Tình hình sản xuất kinh doanh năm 2015 vẫn còn gặp nhiều khó khăn, cạnh tranh trên thị trường ngày càng khốc liệt, thêm vào đó thời tiết diễn biến khá phức tạp, nắng nóng, hạn hán kéo dài nên ảnh hưởng rất lớn đến sản xuất nông nghiệp. Theo đó, thị trường kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật cũng kém phần sôi động, sức mua giảm đáng kể.

Ngoài ra, vừa qua Ngân hàng Nhà nước liên tục điều chỉnh tăng tỷ giá USD (tăng 5%) do Trung Quốc giảm giá đồng nhân dân tệ đã làm cho chi phí tài chính năm 2015 tăng đột biến so với cùng kỳ năm trước, việc này đã ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả hoạt động của đơn vị.

1.2 KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2015 NHƯ SAU:

Tuy tình hình kinh doanh gặp nhiều khó khăn nêu trên, nhưng với những quyết tâm nỗ lực của toàn thể cán bộ công nhân viên và Ban lãnh đạo Công ty trong năm 2015, Công ty đã hoàn thành khá tốt kế hoạch kinh doanh đã đề ra. Cụ thể như sau:

1.2.1. Về kinh doanh:

Kết quả cụ thể về sản xuất kinh doanh:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2014	Năm 2015			
				Kế hoạch	Thực hiện	TH/KH 2015	2015/2014
1	Giá trị sản xuất (giá CĐ 94)	ngàn đồng	676,747,757	726,700,000	660,468,369	91%	98%
2	Sản lượng	Tấn	10,644	13,569	12,350	91%	116%
3	Tổng doanh thu hợp nhất	ngàn đồng	880,369,319	950,000,000	872,207,498	92%	99%
4	Lợi nhuận trước thuế	ngàn đồng	32,193,285	35,970,000	37,907,921	105%	118%
5	Tỷ suất LNTT/Vốn CSH	%	30,6%	34%	36%	105%	118%
6	Lợi nhuận sau thuế	ngàn đồng	22,451,262	28,056,600	28,027,996	100%	126%
7	Nộp ngân sách	ngàn đồng	38,300,667	36,320,500	38,368,783	106%	100%
8	Lao động bình quân	người	465	480	480	100%	103%
9	Thu nhập bình quân/tháng	đ/người	9,439,370	9,101,389	9,075,761	100%	96%

(Nguồn số liệu: căn cứ BCTC năm 2015 đã được kiểm toán)

Giá trị sản xuất (theo giá CĐ 94) :

Năm 2015 thực hiện 660 tỷ, đạt 91% kế hoạch năm và bằng 98% so với thực hiện năm 2014

Doanh thu:

Năm 2015 thực hiện 872 tỷ, đạt 92% kế hoạch năm và bằng 99% so với thực hiện năm 2014

Lợi nhuận trước thuế :

Năm 2015 thực hiện 37,907 tỷ đạt 105% kế hoạch năm và bằng 118% so với thực hiện năm 2014

1.2.2 Về tiến độ thực hiện dự án đầu tư:

Chuyển nhượng dự án đầu tư tại Lào: thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Công ty đã tích cực tìm kiếm đối tác để chuyển nhượng dự án. Đến nay Công ty chỉ chuyển nhượng được 4/5 dự án với tổng giá trị thu hồi là 652.671 USD ~ 13.916.750.000 đồng. Đồng thời đã tiến hành thanh lý 25/75 tài sản là máy móc thiết bị sản xuất nông nghiệp, phương tiện vận chuyển,... với tổng giá trị thu hồi là 2.715.030.297 đồng. Như vậy, tổng giá trị thu hồi dự án đầu tư tại Lào đến thời điểm hiện nay khoảng : 16.631.780.297 đồng.

Các dự án còn lại gồm Trung tâm thương mại tại Km21 và các máy móc thiết bị sản xuất nông nghiệp. Công ty đang tiếp tục tích cực tìm kiếm đối tác chuyển nhượng toàn bộ MMTB còn lại này. Riêng dự án KM21 Công ty dự kiến giữ lại làm văn phòng giao dịch kinh doanh thuốc BVTV.

Dự án tại Kiên Giang : đã ký hợp đồng chuyển nhượng với Công ty cổ phần cơ khí Kiên Giang với giá 7.000.000.000 đồng (chưa bao gồm VAT). Hiện nay công ty đang tiến hành các thủ tục pháp lý liên quan đến việc chuyển nhượng trên.

Toàn bộ vốn đầu tư XD CB năm 2015, Công ty chủ yếu tập trung đầu tư mua sắm một số máy móc thiết bị cho xí nghiệp Hiệp Phước để nâng cấp công nghệ và tăng cường năng lực sản xuất.

1.2.3 Về lĩnh vực nghiên cứu - phát triển sản phẩm mới:

Công ty đang tiến hành khảo nghiệm sản phẩm mới làm từ nguyên liệu hữu cơ. Sản phẩm có tính thân thiện môi trường, an toàn, chất lượng tạo sự khác biệt đang được Công ty chú trọng đầu tư nhằm tăng hiệu quả kinh doanh.



Trong năm qua , Công ty đã cho ra mắt hàng loạt những sản phẩm mới có giá trị cao để từng bước thay thế các sản phẩm cũ như sản phẩm Pyanchor 5EC, Fasfix 150SL, Lyphoxim 75.7WG, Butoxim 5G...đây sẽ là những sản phẩm chiến lược của Công ty trong những năm sắp tới.

1.2.4 Về công tác vận hành nội bộ:

Công ty tiếp tục cơ cấu tổ chức bộ máy từ lãnh đạo đến các phòng, ban theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp hóa bộ máy văn phòng, và tăng cường nhân lực cho các đơn vị trực tiếp kinh doanh;

Thực hiện công tác đào tạo kỹ năng, nghiệp vụ cho cán bộ quản lý phòng, ban, chi nhánh nhằm đổi mới cơ chế hoạt động;

quản trị nhân sự theo kết quả như xây dựng mục tiêu, trách nhiệm, quyền hạn của từng đơn vị, các phương án hoạt động cụ thể trong năm, cho từng tháng, từng vụ.

Đẩy mạnh phát động các phong trào thi đua hoàn thành kế hoạch hàng tháng, quý và cả năm, tổ chức phong trào thi đua tiết kiệm chi phí trên toàn công ty.

2. NHIỆM VỤ VÀ PHƯƠNG HƯỚNG, KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2016

2.1 MỘT SỐ DỰ BÁO THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN:

Các sản phẩm của Công ty tiếp tục giữ được uy tín đối với nông dân, người tiêu dùng trực tiếp về chất lượng, hiệu quả. Các khách hàng truyền thống của Công ty vẫn tiếp tục gắn bó với Công ty, chia sẻ khó khăn và kinh nghiệm thị trường.

Công ty tiếp tục nhận được sự hỗ trợ của Tổng Công ty Nông Nghiệp Sài Gòn về nguồn vốn thông qua các hợp đồng nhập khẩu thuốc BVTV, sự hỗ trợ của các Cục BVTV, Chi cục, Trạm BVTV ở các tỉnh, huyện trên toàn quốc

Năm 2016 dự kiến vẫn còn nhiều khó khăn, nhu cầu thuốc BVTV giảm đáng kể, đặt biệt là nhu cầu thuốc trừ cỏ giảm sút rõ rệt. Tình hình nhiễm mặn khu vực đồng bằng sông Cửu Long đang diễn ra hết sức nghiêm trọng, tình hình hạn hán kéo dài ở khu vực nam trung bộ và nam bộ sẽ tiếp tục ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp nước ta. Thêm vào đó tình hình biến động tỷ giá USD sẽ tiếp tục có chiều hướng tăng trong thời gian tới.

2.2 PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2016

2.2.1 Chỉ tiêu kế hoạch năm 2016

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2015			Kế hoạch 2016	Tỷ lệ KH2016/TH2015
			Kế hoạch	Thực hiện	TH/KH 2015		
1	Giá trị sản xuất (giá CĐ 94)	ngàn đồng	726,700,000	660,468,369	91%	726,700,000	110%
2	Sản lượng	Tấn	13,569	12,350	91%	13,569	110%
3	Tổng doanh thu hợp nhất	ngàn đồng	950,000,000	872,207,498	92%	950,000,000	109%
4	Lợi nhuận trước thuế	ngàn đồng	35,970,000	37,907,921	105%	39,657,000	105%
5	Tỷ suất LN trước thuế/Vốn CSH	%	34%	36%	105%	38%	105%
6	Lợi nhuận sau thuế	ngàn đồng	28,056,600	28,027,996	100%	29,432,460	105%
7	Nộp ngân sách	ngàn đồng	36,320,500	38,368,783	106%	39,789,108	104%
8	Lao động bình quân	người	480	480	100%	495	103%
9	Thu nhập bình quân/tháng	đ/người	9,101,389	9,075,761	100%	9,695,596	107%

2.2.2 Các giải pháp chính để Công ty đạt được kế hoạch đề ra

* *Một là, chiến lược phát triển sản phẩm:*

Năm 2016 và những năm tiếp theo Công ty tập trung phát triển và cung ứng ra thị trường các sản phẩm phân bón hữu cơ vi sinh, thuốc trừ sâu bệnh có nguồn gốc sinh học, các sản phẩm có kỹ thuật cao thân thiện với môi trường có hiệu quả cao cho nông dân, cạnh tranh được với các sản phẩm của các công ty khác trong cùng ngành.



Xây dựng chiến lược tập trung cho những sản phẩm được phân phối độc quyền; Và chiến lược cho các nhóm sản phẩm A có mức hiệu quả thương mại cao, nhóm sản phẩm B có tính cạnh tranh với tỷ suất lợi nhuận thấp, nhóm sản phẩm C có hiệu quả thấp.

* *Hai là, chiến lược cây trồng:*

Thị trường kinh doanh của Công ty trải dài khắp nước nhưng trước đây, bộ sản phẩm của Công ty chỉ tập trung vào 1 số cây trồng chính. Ngoài ra, nông dân thường còn chạy

theo thị trường để tự chuyển đổi cơ cấu cây trồng. Nên Công ty xây dựng các bộ sản phẩm chiến lược cho cây trồng chủ lực và cây trồng tiềm năng, nhằm giảm thiểu và hạn chế tối đa những rủi ro đối với cây trồng mất năng suất và mất giá hiện nay như cây cao su, cà phê, bắp, thanh long; đồng thời cũng thuận lợi cho việc đưa các sản phẩm vào vùng sâu, vùng xa.

* *Ba là, củng cố hệ thống phân phối:*

Đánh giá hệ thống phân phối hiện tại, đặt biệt là các đại lý có tiềm năng hoặc đại lý có nguy cơ về tài chính; Và mở rộng hệ thống đại lý cấp 2, các đại lý bán hàng trực tiếp cho nông dân để giảm rủi ro về tài chính.

Tạo quan hệ gắn bó với hệ thống phân phối qua các chương trình khuyến mãi, tổ chức gặp gỡ, hội thảo như chương trình bốc thăm trúng thưởng, đồng hành cùng SPC, phân nhóm khách hàng theo mức: khách hàng vip, khách hàng thân thiết, khách hàng thẻ đồng, thẻ bạc, thẻ vàng,..., mỗi nhóm sẽ được gắn với quyền lợi tương ứng.

Đồng thời tập trung, tăng cường phát triển hệ thống phân phối tại thị trường Campuchia, Lào, và Myanmar.

*** Bốn là, thực hiện dần trải doanh thu:**

Tình hình mùa vụ, thời tiết khắc nghiệt, thói quen mua chịu của nông dân và năng lực quản lý yếu kém của đại lý đã làm ảnh hưởng đến việc thu hồi tiền bán hàng cho nông dân. Từ đó 1 số đại lý đã phá sản kéo theo khoản nợ phải thu của Công ty. Như vậy, việc tập trung vốn lớn vào một số đại lý sẽ rất rủi ro. Công ty đã quyết liệt giảm hạn mức tín dụng đối với 1 số đại lý lớn, mở rộng và tăng doanh số cho các đại lý nhỏ. Những năm trước đây, tín dụng khách hàng có khi lên đến 10-12 tỷ, hiện nay cao nhất giảm còn 3-4 tỷ, và phần đầu giảm còn 2-3 tỷ trong những năm sắp tới.

Mặt khác, việc phân bổ tương đối đều kế hoạch doanh số theo tháng, vụ, năm và kiểm soát chặt chẽ quá trình thực hiện để các đơn vị chi nhánh trực thuộc chủ động và quyết tâm trong việc thực hiện kế hoạch được giao.

*** Năm là, tập trung công tác quảng bá:**

Xây dựng kế hoạch marketing phát triển sản phẩm khác nhau: sản phẩm mới, sản phẩm phổ biến đã có thương hiệu, sản phẩm có hiệu quả cao.

Đào tạo nhân viên kinh doanh và BSCT chuyên sâu về kỹ thuật, có chuyên môn kinh nghiệm bán hàng và nghiệp vụ BVTV để phát triển các sản phẩm thuốc BVTV mới,

các sản phẩm độc quyền phân phối, các sản phẩm thương hiệu SPC.

Tổ chức quảng bá, hội thảo cho đại lý, tọa đàm trên đài truyền hình, đài phát thanh, tổ chức các điểm trình diễn nhằm tăng thương hiệu.

Phổ biến đa dạng các chương trình khuyến mãi: Quay số may mắn, thẻ cào, bốc thăm trúng thưởng đến từng đối tượng khác hàng: đại lý, người nông dân nhằm mở rộng thị trường và tăng doanh số bán của công ty.



Tập trung đẩy mạnh thị trường tại Campuchia và Myanmar: mở rộng địa bàn hoạt động tại Campuchia như mở thêm chi nhánh tại Konpongcham,... đăng ký một số sản phẩm chiến lược và tìm kiếm đơn vị phân phối tại Myanmar. Bên cạnh đó bổ sung nhân sự kinh doanh, phát triển thị trường cho các thị trường này.

Thực hiện chương trình cánh đồng mẫu tại Mộc Hóa – Long An, Đồng tháp để cung ứng, quảng bá thuốc BVTV trực tiếp đến bà con nông dân.

*** Sáu là, tăng cường phát triển các nguồn lực:**

Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao bằng chính sách thu hút, đào tạo, phân phối và sử dụng một cách hiệu quả trên cơ sở chủ động qui hoạch, đào tạo, bố trí sử dụng các chức danh then chốt của Công ty. Trước mắt tập trung chức danh Trưởng phòng, Giám đốc chi nhánh trực thuộc có năng lực trình độ, có tâm huyết gắn kết với Công ty, mặt khác phải có chính sách lao động tiền lương hợp lý, thỏa đáng để thu hút chất xám.

Tăng cường phát triển nguồn vật lực, khai thác triệt để sử dụng tài sản hữu hình và vô hình của Công ty cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

Xây dựng một cơ chế lãnh đạo, quản lý mới một cách hệ thống, bài bản, tiếp thu các tri thức kinh doanh hiện đại; Nâng cao năng lực quản trị đạt tầm chuyên nghiệp và đẳng cấp.

KẾT LUẬN:

Qua một năm sản xuất kinh doanh đầy biến động, toàn thể cán bộ công nhân viên SPC đã cùng nhau đoàn kết, nỗ lực, chia sẻ khó khăn, để hoàn thành công tác và nhiệm vụ được phân công.

Nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2016 rất nặng nề, tuy đã có những kế hoạch khắc phục và phương án hành động sẵn sàng, nhưng Công ty cũng không thể lường hết những biến cố, rủi ro; và nhiều công tác đổi mới ở Công ty đang trong quá trình rút kinh nghiệm để dần dần hoàn thiện. Để vượt qua thử thách, hoàn thành kế hoạch năm 2016 với kết quả như mong đợi của cổ đông và toàn thể CBCNV của SPC, Ban Điều hành Công ty rất mong muốn có được sự đoàn kết, nhất trí của tập thể cán bộ công nhân viên, sự ủng hộ của Quý cổ đông, sự hỗ trợ của Lãnh đạo Tổng Công ty, các Sở Ban Ngành thành phố nhằm đóng góp cho sự nghiệp phát triển Công ty.

Trẻ hoá cán bộ lãnh đạo và quản lý. Các cán bộ lớn tuổi, có chuyên môn cao, nhiều kinh nghiệm tạo thành một đội ngũ chuyên gia để hỗ trợ cho cán bộ lãnh đạo trẻ.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý điều hành nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của đơn vị.

Tăng cường lực lượng phát triển thị trường, phát triển mạnh về chiều rộng và chiều sâu. Đảm bảo mỗi vùng kinh tế nông nghiệp trọng điểm đều có nhân viên phát triển thị trường.

Đổi mới phong cách quản trị và điều hành thật đồng bộ trên cơ sở thực hiện đúng Điều lệ và qui chế hoạt động của công ty nhằm thực hiện đạt hiệu quả nghị quyết đại hội đồng cổ đông.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG NĂM 2015:

1.1 Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2015, tình hình cạnh tranh trong ngành thuốc bảo vệ thực vật vẫn diễn ra hết sức gay gắt. Bên cạnh đó, tình hình thời tiết diễn biến không thuận lợi, nắng nóng gay gắt kéo dài ảnh hưởng rất đến sản xuất nông nghiệp. Vừa qua, đồng nhân dân tệ giảm giá gần 4,6% so với đồng đô la Mỹ. Để hỗ trợ nền kinh tế, Ngân hàng nhà nước Việt Nam tăng tỉ giá bình quân liên ngân hàng thêm 1% và nới lỏng biên độ tỷ giá từ 1% lên 3%, do đó tỷ giá VND/USD đã tăng gần 5%. Việc điều chỉnh tỷ giá VND/USD tăng đột ngột nêu trên đã ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả hoạt động của đơn vị. Tuy nhiên, vượt lên các khó khăn đó, Công ty cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn đã có một năm 2015 khá thành công. Doanh thu đạt 92% so với kế hoạch và lợi nhuận trước thuế đạt 105% so với kế hoạch mà ĐHCĐ đã giao phó.



Theo đánh giá của Hội đồng quản trị, kết quả kinh doanh năm 2015 vừa qua khá tốt, tuy nhiên hiệu quả chưa tương xứng với khả năng do những nguyên nhân sau:

- *Chi phí tài chính cao: do vốn lưu động chủ yếu tài trợ bằng vốn vay ngân hàng và do việc điều chỉnh tăng tỷ giá VND/USD đột ngột của Ngân hàng nhà nước Việt Nam làm cho chi phí tài chính tăng cao, qua đó ảnh hưởng đến lợi nhuận Công ty.*
- *Chi phí bán hàng cao: do tình hình cạnh tranh gay gắt, các đơn vị cùng ngành luôn có những chính sách bán hàng thu tiền hấp dẫn, vì vậy buộc Công ty cũng phải đưa ra các chính sách bán hàng, thu tiền liên tục để bán được hàng nhằm đảm bảo hoàn thành kế hoạch mà Đại hội cổ đông giao phó*

1.2 Các phiên họp và nghị quyết của HĐQT trong năm 2015

Trong năm 2015 vừa qua, được sự uỷ quyền của Đại hội đồng cổ đông trong công tác chỉ đạo thực hiện chiến lược sản xuất kinh doanh của Công ty, Hội đồng quản trị công ty đã xây dựng và định hướng cho Ban điều hành công ty thực hiện các chương trình hành động tích cực và đồng bộ trong năm 2015 thông qua các nội dung làm việc, thảo luận, tìm nhiều giải pháp thực hiện Nghị quyết của ĐHCĐ giao

1.3 Tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2015



Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính:

Được sự uỷ quyền của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2015, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát đã tiến hành xem xét năng lực, hiệu quả kinh tế của các đơn vị kiểm toán và thống nhất lựa chọn Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC là đơn vị thực hiện kiểm toán báo cáo tình hình tài chính năm 2015 cho Công ty.

Đã hoàn tất bàn giao chức danh Chủ tịch HĐQT và Giám đốc Công ty

Sửa đổi, bổ sung một số điều khoản của Điều lệ: đã thực hiện hoàn tất

1.4 Thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT:

Công ty đã thực hiện công tác chi trả thù lao cho Hội đồng quản trị theo đúng kế hoạch đã được Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2015 với tổng thù lao là 164.000.000 đồng. Chi tiết cho từng thành viên HĐQT như sau:

- *Chủ tịch hội đồng quản trị:*
5.000.000 đồng/tháng (từ 01/2015 đến 04/2015)
- *Chủ tịch hội đồng quản trị: hưởng lương chuyên trách (từ 05/2015 đến 12/2015)*
- *Thành viên hội đồng quản trị:*
3.000.000 đồng/tháng



1.5 Kết quả giám sát đối với Ban điều hành:

Căn cứ quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty, HĐQT đã thực hiện giám sát công tác quản lý, điều hành của Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý của Công ty thông qua các cuộc họp định kỳ tháng, hoặc họp bất thường trong trường hợp có công việc quan trọng, khẩn cấp cần giải quyết.

Các nội dung giám sát có chuyên đề:

- *Giám sát việc đánh giá chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý.*
- *Giám sát xử lý nợ phải thu, giám sát chất lượng hàng tồn kho.*
- *Giám sát việc thu chi tài chính.*
- *Giám sát việc thanh lý các dự án đầu tư không hiệu quả.*
- *Giám sát việc thực hiện Quy chế của Ban điều hành. v.v...*

Nhìn chung, công tác giám sát đối với Ban điều hành được thực hiện thường xuyên, đảm bảo hoạt động của Công ty được diễn ra ổn định, đáp ứng yêu cầu sản xuất và kinh doanh, tuân thủ quy định của pháp luật, bám sát định hướng do HĐQT và Đại hội đồng cổ đông đã đề ra.

1.6 Nhận xét đánh giá:

Qua một năm thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, HĐQT đã hết sức tập trung nỗ lực phấn đấu đạt được nhiều chỉ tiêu quan trọng. Tập trung dồn sức cho hoạt động sản xuất kinh doanh đạt doanh thu và lợi nhuận. Lập dự phòng đầy đủ theo nghị quyết đặt ra, trong năm HĐQT đã ban hành 24 Nghị quyết và có 08 lần trực tiếp làm việc với Ban điều hành. Tham gia nhiều cuộc giám sát những nội dung công ty đang quan tâm.

Tuy nhiên đánh giá công tác quản lý điều hành trong năm qua, việc tập trung giải quyết thanh lý các máy móc thiết bị tại SPC Lào còn chậm, việc tìm kiếm đối tác chuyển nhượng gặp nhiều vướng mắc khó khăn làm ảnh hưởng hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

Hướng tới HĐQT sẽ giám sát tích cực hơn nữa đối với Ban điều hành về việc thanh lý các máy móc thiết bị tại SPC Lào theo Nghị quyết Đại hội đồng thông qua.



Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị trong năm 2015:

Stt	Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Diễn giải
1	06/NQ/BVTVSG/HĐQT/2015	15/01/2015	Nghị quyết thống nhất bổ nhiệm Ông Nguyễn Thanh Ngôn-Giám đốc CN Đồng Tháp
2	02/NQ/BVTVSG/HĐQT/2015	17/01/2015	Nghị quyết thống nhất theo Tờ trình 57/2014 thành lập Cn Bình Dương, chấm dứt hoạt động CN Bình Phước
3	05/NQ/BVTVSG/HĐQT/2015	19/01/2015	Nghị quyết thống nhất bổ nhiệm Ông Nguyễn Đình Đông - Giám đốc CN Đồng Nai
4	46/QD/BVTVSG/HĐQT/2015	20/01/2015	Bổ nhiệm Ông Nguyễn Thanh Ngôn nhận nhiệm vụ Giám đốc CN Đồng Tháp
5	47/QD/BVTVSG/HĐQT/2015	20/01/2015	Bổ nhiệm Ông Nguyễn Đình Đông nhận nhiệm vụ Giám đốc CN Đồng Nai
6	48/QD/BVTVSG/HĐQT/2015	20/01/2015	Chấm dứt hoạt động Chi nhánh Bình Phước
7	49/QD/BVTVSG/HĐQT/2015	20/01/2015	Thành lập Chi nhánh Bình Dương
8	50/QD/BVTVSG/HĐQT/2015	20/01/2015	Bổ nhiệm Ông Nguyễn Thanh Hoài - Giám đốc CN Bình Dương
9	08/NQ/BVTVSG/HĐQT/2015	23/01/2015	Nghị quyết thống nhất thông qua tình hình thực hiện KHSX KD 2014, lựa chọn công ty kiểm toán, thanh lý dự án Kirirum, chuyển nhượng dự án Kiên Giang, tình hình quản lý công nợ, trả lương thưởng tết 2015, KHKD 2015
10	10/NQ/BVTVSG/HĐQT/2015	05/02/2015	Nghị quyết thống nhất đồng ý tìm đối tác chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu HAI
11	12/NQ/BVTVSG/HĐQT/2015	10/03/2015	Tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2015 và tạm ứng cổ tức bằng tiền mặt đợt 1 năm 2015
12	404/QD/BVTVSG/HĐQT/2015	26/03/2015	Bổ nhiệm Ông Trương Đình Pháp Quyền Giám đốc CN Kiên Giang
13	405/QD/BVTVSG/HĐQT/2015	26/03/2015	Bổ nhiệm Ông Đinh Văn Sơn Quyền Giám đốc Xí nghiệp BVTV Sài Gòn
14	406/QD/BVTVSG/HĐQT/2015	26/03/2015	Bổ nhiệm Ông Lê Ngọc Hải Quyền Giám đốc SPC Lào
15	16/NQ/BVTVSG/HĐQT/2015	26/03/2015	Nghị quyết thống nhất bổ nhiệm Ông Trương Đình Pháp - Quyền Giám đốc CN Kiên Giang
16	17/NQ/BVTVSG/HĐQT/2015	26/03/2015	Nghị quyết thống nhất bổ nhiệm Ông Đinh Văn Sơn - Quyền Giám đốc Xí nghiệp BVTV SG, Ông Lê Ngọc Hải - Quyền Giám đốc SPC Lào
17	20/NQ/BVTVSG/HĐQT/2015	08/04/2015	Nghị quyết thống nhất Ông Điều Quang Trung đại diện vốn đầu tư Cty CPTM Mộc Hóa
18	493/QD/BVTVSG/HĐQT/2015	13/04/2015	Cử Ông Điều Quang Trung, Trần Thành Châu đại diện quản lý phần vốn đầu tư tại Cty CP TM Mộc Hóa
19	24/NQ/BVTVSG/HĐQT/2015	14/04/2015	Nghị quyết thống nhất thông qua phân phối lợi nhuận, báo cáo thù lao HĐQT, BKS, hình sửa điều lệ, ủy quyền chọn Cty kiểm toán
20	26/NQ/BVTVSG/HĐQT/2015	21/04/2015	Nghị quyết thống nhất KH lợi nhuận năm 2015, từ nhiệm bổ sung HĐQT nhiệm kỳ 2013-2017, bầu chủ tịch HĐQT, bổ nhiệm Giám đốc, phó Giám đốc Công ty
21	28/NQ/BVTVSG/HĐQT/2015	24/04/2015	Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2015
22	566/QD/BVTVSG/HĐQT/2015	25/04/2015	Bổ nhiệm Ông Nguyễn Quốc Dũng Giám đốc Công ty thời hạn 5 năm từ 25/4/2015
23	567/QD/BVTVSG/HĐQT/2015	25/04/2015	Bổ nhiệm Ông Điều Quang Trung Phó Giám đốc Công ty từ ngày 25/4/2015

Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị trong năm 2015:

Stt	Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Diễn giải
24	657/QD/BVTVSG/HĐQT/2015	23/05/2015	Bổ nhiệm Ông Hoàng Đình Hoan - Trưởng phòng XNK Công ty
25	659/QD/BVTVSG/HĐQT/2015	23/05/2015	Điều động Ông Phan Tiến Dũng nhận nhiệm vụ Phó Giám đốc Xí nghiệp BVTV Sài Gòn
26	660/QD/BVTVSG/HĐQT/2015	23/05/2015	Bổ nhiệm Ông Trần Đình Mẫn - Phó phòng KDTT Công ty
27	661/QD/BVTVSG/HĐQT/2015	23/05/2015	Bổ nhiệm Bà Phùng Thái Phương Trang - Phó phòng TCKT Công ty
28	34/NQ/BVTVSG/HĐQT/2015	23/05/2015	Nghị quyết thống nhất thông qua các Tờ trình 28, 29, 30,31,32,33,34,35,36 phân công Thành viên BGD, thay đổi hình thức ký HD với Bà Cẩm Hồng, lựa chọn Cty Kiểm Toán, Quy chế tài chính, phân công thành viên HĐQT
29	36/NQ/BVTVSG/HĐQT/2015	25/05/2015	Nghị quyết thống nhất thông qua Tờ trình số 38 v/v đầu tư thiết bị nghiền sản xuất thuốc BVTV dạng WP
30	695/QD/BVTVSG/HĐQT/2015	29/05/2015	Bổ nhiệm Bà Bùi Thị Ánh Tuyết - Kế toán trưởng Công ty
31	40/NQ/BVTVSG/HĐQT/2015	29/05/2015	Nghị quyết thống nhất thông qua tờ trình 27 v.v Bổ nhiệm Kế toán trưởng Công ty
32	698/QD/BVTVSG/HĐQT/2015	02/06/2015	Ban hành Quy chế tổ chức hoạt động và phân công thành viên Hội đồng Quản trị
33	699/QD/BVTVSG/HĐQT/2015	02/06/2015	Ban hành sơ đồ cơ cấu tổ chức Công ty và phân công thành viên Ban Giám đốc
34	44/NQ/BVTVSG/HĐQT/2015	19/06/2015	Nghị quyết thống nhất thông qua giá sản chuyển nhượng dự án Núi Tiên tại Lào
35	774/QC/BVTVSG/HĐQT/2015	23/06/2015	Quy chế Tài chính Công ty
36	45/NQ/BVTVSG/HĐQT/2015	25/06/2015	Nghị quyết thống nhất thông qua việc chuyển nhượng dự án Siêu thị Nông Nghiệp Sài Gòn tại Kiên Giang
37	55/NQ/BVTVSG/HĐQT/2015	07/09/2015	NQ HĐQT phiên họp ngày 21/08/2015 thông qua nội dung các tờ trình số 54, 53, 57, 51, 52, 62, 56.
38	57/NQ/BVTVSG/HĐQT/2015	10/09/2015	Cử ông Phạm Mạnh Phong-Q.GĐCN Trạm DV làm đại diện phần vốn đầu tư của cty CP BVTV Sài Gòn tại cty CPTM Mộc Hóa.
40	60/NQ/BVTVSG/HĐQT/2015	26/09/2015	Cử ông Bùi Khánh Trường - Chuyên viên P.KDTT làm đại diện phần vốn đầu tư của cty CP BVTV Sài Gòn tại cty CPTM Mộc Hóa thay ông Phạm Mạnh Phong.
39	61/NQ/BVTVSG/HĐQT/2015	02/10/2015	NQ HĐQT chấp thuận Kế hoạch chi phí quý 3,4/2015 của SPC Lào.
41	63/NQ/BVTVSG/HĐQT/2015	02/10/2015	NQ HĐQT lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thông qua việc miễn nhiệm thành viên BKS ông Nguyễn Công Khải, bầu bổ sung thành viên BKS ông Trần Đình Vũ NK 2013-2017.
42	65/NQ/BVTVSG/HĐQT/2015	12/10/2015	Thông qua chủ trương sửa chữa hoàn chỉnh hệ thống PCCC hiện hữu tại XNHP thay thế cho hạng mục làm mới hệ thống PCCC theo KHĐT.
43	69/NQ/BVTVSG/HĐQT/2015	30/11/2015	Thông qua nội dung các tờ trình số 73,74, tiến độ đầu tư MMTB, Quy chế quản lý sử dụng quỹ thưởng BĐH, các nội dung khác liên quan đến cổ phiếu cty HAI, Mộc Hóa.

2. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2016

2.1 Kế hoạch tài chính 2016:

- a. Doanh thu: **950 tỷ đồng**
- b. Lợi nhuận trước thuế : **39,657 tỷ đồng**
- c. Lợi nhuận sau thuế : **29,432 tỷ đồng**

2.2 Giải pháp thực hiện:

- a. Tiếp tục tập trung triển khai chiến lược phát triển theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ 2013-2017.
- b. Hội đồng quản trị sẽ tăng cường giám sát, cùng với Ban điều hành đưa ra nhiều giải pháp tích cực đem lại hiệu quả và quyền lợi cho cổ đông.
- c. Tập trung giải quyết, thanh lý các máy móc thiết bị tại SPC-Lào, tập trung thu hồi công nợ nhằm thu hồi vốn phục vụ cho hoạt động sản xuất chính của Công ty.
- d. Thực hiện trả lương người lao động phần đầu đảm bảo đời sống ổn định để người lao động an tâm, gắn bó với công ty.
- e. Tăng cường làm việc với các đối tác nhập khẩu nước ngoài để chuyển đổi các phương thức thanh toán từ L/C sang DA.
- f. Tranh thủ sự hỗ trợ của Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn về việc phối hợp với các đơn vị thuộc Tổng công ty nhằm phát triển thị trường, mở rộng ngành nghề kinh doanh.
- g. Triển khai thực hiện các dự án đầu tư, mua sắm MMTB theo đúng kế hoạch đã đề ra.
- h. Tiết giảm các chi phí cho phù hợp với Nghị quyết số 11/NQ-CP của Thủ tướng Chính Phủ.
- i. Kiện toàn đội ngũ cán bộ quản lý đủ sức để đảm nhận chức trách nhiệm vụ được phân công.



BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2015 :

Căn cứ vào Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán và các văn bản pháp luật hiện hành về tài chính kế toán thì Báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty Cổ phần Bảo vệ thực vật Sài Gòn đã phản ánh được tình hình tài sản, nguồn vốn, và kết quả kinh doanh năm 2015.

Đơn vị tính : đồng

Vốn điều lệ : **105.300.000.000**

Trong đó vốn Nhà nước chiếm 59,33 % :62.470.200.000

Các khoản phải thu ngắn hạn tại ngày 31/12/2015 : **230.921.221.860**

Trong đó :

- *Phải thu Công ty Monsanto Thái Land :22.813.197.000*
- *Phải thu Công ty TNHH Dekalb VN :2.221.442.213*
- *Phải thu Công ty SPC-Cambodia :39.550.109.544*
- *Phải thu Công ty SPC-Lào:25.766.664.631*
- *Phải thu khách hàng kinh doanh khác :140.569.808.472*

Dự phòng công nợ phải thu khó đòi : **(44.611.598.237)**

- *Công nợ Cty Monsanto : (22.813.197.000)*
- *Công nợ Cty TNHH Dekalb VN : (2.221.442.213)*
- *Công nợ khách hàng kinh doanh : (19.576.959.024)*

Hàng tồn kho : **215.454.778.682**

- *Giá trị hàng tồn kho :228.197.119.009*
- *Dự phòng giảm giá hàng tồn kho :(12.742.340.327)*

Tài sản cố định : **28.042.858.358**

- *Nguyên giá :132.533.737.035*
- *Hao mòn lũy kế : (104.490.878.677)*

Chi phí XDCB dở dang : **565.706.880**

- *Dự án kho Long An :407.320.574*
- *Dự án kho mở rộng Cần Thơ :158.386.306*

Bất động sản đầu tư : **3.172.171.188**

- *Nguyên giá : Nhà cửa, vật kiến trúc, đất tại Lào :4.595.224.717*
- *Hao mòn lũy kế :(1.423.053.529)*

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn & dài hạn : **11.167.242.437**

	DANH MỤC	VỐN ĐẦU TƯ
1	Cty CP thương mại Mộc Hóa	7.510.164.939
2	Cty CP Nông dược H.A.I	1.837.670.000
3	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính cổ phiếu H.A.I	(1.201.190.000)

Chi phí trả trước dài hạn : **18.041.328.118**

Trong đó :

- Chi phí thuê đất Hiệp Phước : 16.264.107.839
- Chi phí cải tạo đất thuê Lào: 634.450.510
- Chi phí CCDC, sửa chữa TSCĐ chờ phân bổ: 1.142.769.769

Vay ngắn hạn & dài hạn : **76.123.309.588**

Vay ngắn hạn : **74.324.716.719**

- Vay ngắn hạn các ngân hàng : 74.254.716.719
- Vay các tổ chức và cá nhân : 70.000.000

Vay dài hạn các ngân hàng : **1.798.592.869**

Nợ phải trả ngắn hạn & dài hạn : **308.736.447.147**

Trong đó :

- Phải trả người bán : 243.584.690.850
- Thuế và các khoản phải nộp nhà nước : 5.319.897.891
- Phải trả người lao động : 23.343.229.464
- Các khoản phải trả, phải nộp khác : 36.488.628.942

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh : **ĐVT : triệu đồng**

STT	Nội dung	Thực hiện năm 2014	Năm 2015		Tỷ lệ	
			Kế hoạch	Thực hiện	3/1	3/2
		1	2	3	4	5
1	Doanh thu	880.36	950.000	872.207	99%	92%
2	Lợi nhuận trước thuế	32.193	35.970	37.908	118%	105%
3	Lợi nhuận sau thuế	22.451	28.056	28.028	125%	100%
4	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.132	2.664	2.662		

2. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT CỦA ĐHĐCĐ



Về Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015, Công ty đã thực hiện với các kết quả như sau :

- Trong năm 2015, Doanh thu đạt 92%, lợi nhuận trước thuế đạt 105% và lợi nhuận sau thuế đạt 100% so với kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được ĐHĐCĐ thông qua.
- Công ty đã lựa chọn Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2015 theo đúng Nghị quyết.
- Đã chi trả thù lao đầy đủ cho HĐQT và BKS theo nội dung của Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2015
- Công ty đã sử dụng và trích lập các quỹ đầu tư phát triển khen thưởng, phúc lợi theo đúng tinh thần của Nghị quyết.
- Công ty đã tiến hành thông báo và chi trả cổ tức năm 2014 cho các cổ đông theo Nghị quyết đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015
- Công ty đã thông báo việc sửa đổi Điều lệ theo nội dung được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- Thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2015, công ty đã bổ nhiệm Ông Nguyễn Quốc Dũng giữ chức vụ Giám đốc Công ty kể từ ngày 24/04/2015 và thực hiện đầy đủ công tác bàn giao theo qui định.
- Đã bổ sung 02 thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2013-2017 là Ông Nguyễn Quốc Dũng và Bà Nguyễn Thị Thúy, đồng thời miễn nhiệm tư cách thành viên HĐQT đối với Ông Dương Minh Quang và Ông Hà Quốc Cường theo đúng nội dung của Nghị quyết.

3. ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC ĐIỀU HÀNH CỦA HĐQT NĂM 2015 :

- HĐQT đã triển khai thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, ban hành các Nghị quyết, quyết định liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng, công tác tái cấu trúc và tổ chức nhân sự theo đúng quy định tại Điều lệ của Công ty.
- HĐQT đã tổ chức và duy trì đều đặn các phiên họp định kỳ, ngoài ra để ra các quyết định phê duyệt, chỉ đạo kinh doanh kịp thời, HĐQT thường xuyên thực hiện lấy ý kiến các thành viên HĐQT dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
- Trong các phiên họp HĐQT, các thành viên HĐQT tham gia đầy đủ, làm việc vì tinh thần trách nhiệm cao để đưa ra các Nghị quyết và quyết định kịp thời để định hướng, chỉ đạo kinh doanh theo đúng các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và quy định của pháp luật.
- Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị đã ban hành đúng với chức năng, quyền hạn và phù hợp Nghị quyết ĐHĐCĐ, hoàn toàn tuân thủ Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp và luật pháp Việt Nam.
- Trong năm qua, HĐQT đã duy trì được mối quan hệ công tác, phối hợp chặt chẽ trên nguyên tắc vì lợi ích của Công ty, của cổ đông và tuân thủ các quy định của Pháp luật, chế độ chính sách của nhà nước và của Công ty.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

**NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC
NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**

**CÔNG TY CỔ PHẦN
BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN**

SPC Xanh, Thêm Xanh



Doanh thu hợp nhất SPC





BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Công ty Cổ phần Bảo Vệ Thực vật Sài Gòn

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015
(đã được kiểm toán)

A member of  HLB International

Công ty Cổ phần Bảo Vệ Thực vật Sài Gòn
Khu phố 1, Nguyễn Văn Quý, P.Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp.HCM

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 03
Báo cáo Kiểm toán độc lập	04- 05
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	06 - 47
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	09 - 10
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 47

Công ty Cổ phần Bảo Vệ Thực vật Sài Gòn

Khu phố 1, Nguyễn Văn Quý, P.Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp.HCM

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bảo Vệ Thực vật Sài Gòn (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Bảo Vệ Thực vật Sài Gòn được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 03006632232 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 14 tháng 06 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ bảy ngày 21/05/2015.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Khu phố 1, Nguyễn Văn Quý, P.Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp.HCM.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng thành viên trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Hồng Ánh	Chủ tịch	(Bổ nhiệm ngày 24/4/2015)
Ông Dương Minh Quang	Chủ tịch	(Miễn nhiệm ngày 24/4/2015)
Ông Hà Quốc Cường	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 24/4/2015)
Ông Phan Văn Sang	Thành viên	
Ông Đặng Thanh Cương	Thành viên	
Ông Nguyễn Quốc Dũng	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 21/4/2015)
Bà Nguyễn Thị Thúy	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 21/4/2015)

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Quốc Dũng	Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 24/04/2015)
Bà Nguyễn Thị Hồng Ánh	Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 24/04/2015)
Ông Điều Quang Trung	Phó Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 24/04/2015)
Ông Hà Quốc Cường	Phó Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 11/08/2015)
Ông Nguyễn Quốc Dũng	Phó Giám đốc	
Bà Nguyễn Ngọc Bích	Phó Giám đốc	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Trần Đình Vũ	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 27/01/2016
Bà Võ Ngọc Lan Chi	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 27/01/2016
Bà Mai Thị Lệ Khuyên	Thành viên	
Ông Nguyễn Công Khái	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 09/11/2015)
Ông Trần Đình Vũ	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 09/11/2015)

Công ty Cổ phần Bảo Vệ Thực vật Sài Gòn

Khu phố 1, Nguyễn Văn Quý, P.Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp.HCM

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 03 năm 2016

TM. Ban Giám đốc
Giám đốc

Nguyễn Quốc Dũng



Số: 388/2016/BC.KTTC-AASC.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Bảo Vệ Thực vật Sài Gòn**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Bảo Vệ Thực vật Sài Gòn được lập ngày 10 tháng 03 năm 2016, từ trang 06 đến trang 47, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bảo Vệ Thực vật Sài Gòn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Công ty con - Công ty TNHH Bảo vệ Thực vật Sài Gòn - Lào từ khi thành lập đến ngày 31/12/2015 đã có lỗ lũy kế vượt vốn đầu tư của chủ sở hữu là 7,811 tỷ LAK tương ứng 21,021 tỷ VND, số dư nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn 9,279 tỷ LAK tương ứng 25,068 tỷ VND. Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Bảo Vệ Thực Vật Sài Gòn (chủ sở hữu) đã thông qua việc chuyển nhượng dự án đầu tư tại nước Cộng Hòa Dân Chủ Nhân Dân Lào và đang tìm kiếm đối tác chuyển nhượng. Báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty con này vẫn được lập trên cơ sở hoạt động liên tục và được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015 của Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật Sài Gòn. Khả năng tiếp tục hoạt động theo khái niệm hoạt động liên tục của Công ty con này phụ thuộc vào khả năng thanh toán các khoản nợ phải trả hoặc từ sự bảo trợ của chủ sở hữu theo pháp luật Cộng Hòa Dân Chủ Nhân Dân Lào và các quy định có liên quan.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi Ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần của chúng tôi


Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2016

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC
Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Quốc Dũng
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0285-2013-002-1

Kiểm toán viên



Ngô Minh Quý
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 2434-2013-002-1

Công ty Cổ phần Bảo Vệ Thực vật Sài Gòn
Khu phố 1, Nguyễn Văn Quỳ, P.Tân Thuận Đông, Quận 7,
Tp.HCM

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		491.710.377.697	426.065.606.682
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	45.937.234.582	20.318.146.627
111	1. Tiền		45.937.234.582	20.318.146.627
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	04	636.480.000	911.880.000
121	1. Chứng khoán kinh doanh		1.837.670.000	1.837.670.000
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)		(1.201.190.000)	(925.790.000)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		221.962.101.234	209.831.977.523
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	230.921.221.860	209.315.447.087
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		1.326.973.965	752.585.387
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	06	34.298.035.441	39.709.169.215
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(44.611.598.237)	(39.985.260.999)
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý		27.468.204	40.036.833
140	IV. Hàng tồn kho	08	215.454.778.682	187.930.909.841
141	1. Hàng tồn kho		228.197.119.009	200.392.184.116
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(12.742.340.327)	(12.461.274.275)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		7.719.783.199	7.072.692.691
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		506.088.058	163.622.901
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		7.213.695.141	6.085.478.263
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	-	823.591.527
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		61.270.436.981	67.915.198.797
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		281.130.000	227.801.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	6	281.130.000	227.801.000
220	II. Tài sản cố định		28.042.858.358	32.360.935.070
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	22.916.596.280	28.821.802.905
222	- Nguyên giá		125.982.951.036	129.465.689.649
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(103.066.354.756)	(100.643.886.744)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	11	2.129.575.268	430.810.105
225	- Nguyên giá		2.408.334.749	608.202.502
226	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(278.759.481)	(177.392.397)
227	3. Tài sản cố định vô hình	12	2.996.686.810	3.108.322.060
228	- Nguyên giá		4.142.451.250	4.142.451.250
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(1.145.764.440)	(1.034.129.190)
230	III. Bất động sản đầu tư	13	3.172.171.188	3.329.964.498
231	- Nguyên giá		4.595.224.717	4.431.502.273
232	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(1.423.053.529)	(1.101.537.775)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	9	565.706.880	1.967.945.681
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		565.706.880	1.967.945.681
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	04	11.167.242.437	10.922.288.410
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		11.167.242.437	10.922.288.410
260	VI. Tài sản dài hạn khác		18.041.328.118	19.106.264.138
261	4. Chi phí trả trước dài hạn	14	18.041.328.118	19.106.264.138
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		552.980.814.678	493.980.805.479

Công ty Cổ phần Bảo Vệ Thực vật Sài Gòn
Khu phố 1, Nguyễn Văn Quỳ, P.Tân Thuận Đông, Quận 7,
Tp.HCM

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		384.859.756.734	338.757.374.961
310	I. Nợ ngắn hạn		371.997.095.722	324.848.980.242
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	17	243.584.690.850	201.879.928.299
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		1.085.222.128	310.012.217
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	5.319.897.891	4.558.623.873
314	4. Phải trả người lao động		23.343.229.464	22.862.790.071
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	2.029.315.568	1.364.209.714
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	20	1.539.100.000	-
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	19	16.300.506.101	12.988.290.381
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	16	74.324.716.719	80.885.125.687
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	21	4.470.417.000	-
330	II. Nợ dài hạn		12.862.661.012	13.908.394.719
337	1. Phải trả dài hạn khác	19	4.928.254.000	5.708.254.000
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	16	1.798.592.869	1.222.974.202
341	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	35	6.135.814.143	6.977.166.517
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		168.121.057.945	155.223.430.518
410	I. Vốn chủ sở hữu	22	168.121.057.945	155.223.430.518
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		105.300.000.000	105.300.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		105.300.000.000	105.300.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		782.715.818	782.715.818
417	3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	23	7.509.500.175	8.122.496.962
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		15.883.435.602	14.052.949.670
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		38.645.406.349	26.965.268.068
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		10.617.410.270	4.514.006.150
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		28.027.996.079	22.451.261.918
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		552.980.814.678	493.980.805.479

Người lập



Bùi Thị Diễm Phúc

Kế toán trưởng



Bùi Thị Ánh Tuyết

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 03 năm 2016

Giám đốc



Nguyễn Quốc Dũng

Công ty Cổ phần Bảo Vệ Thực vật Sài Gòn
Khu phố 1, Nguyễn Văn Quý, P.Tân Thuận Đông, Quận
7, Tp.HCM


Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2015

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015		Năm 2014	
			VND		(Đã điều chỉnh) VND	
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	25	894.061.400.858		901.815.709.921	
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	26	21.853.902.586		21.446.390.750	
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		872.207.498.272		880.369.319.171	
11	4. Giá vốn hàng bán	27	644.455.059.490		666.266.856.882	
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		227.752.438.782		214.102.462.289	
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	28	6.340.389.540		3.057.464.365	
22	7. Chi phí tài chính	29	21.467.412.549		12.282.390.225	
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		3.263.400.121		4.963.566.187	
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		244.954.027		1.028.907.089	
25	9. Chi phí bán hàng	30	151.705.693.330		142.127.774.013	
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	31	24.422.166.480		31.045.944.122	
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		36.742.509.990		32.732.725.383	
31	12. Thu nhập khác	32	7.245.479.999		22.773.491.761	
32	13. Chi phí khác	33	6.080.068.535		23.312.932.183	
40	14. Lợi nhuận khác		1.165.411.463		(539.440.422)	
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		37.907.921.453		32.193.284.961	
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	34	10.721.277.748		7.799.719.354	
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	35	(841.352.374)		1.942.303.689	
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		28.027.996.079		22.451.261.918	
61	19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		-		-	
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		<u>28.027.996.079</u>		<u>22.451.261.918</u>	
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	36	2.662		2.132	

Người lập



Bùi Thị Diễm Phúc

Kế toán trưởng



Bùi Thị Ánh Tuyết



TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 03 năm 2016

Giám đốc

Nguyễn Quốc Dũng

Công ty Cổ phần Bảo Vệ Thực vật Sài Gòn
Khu phố 1, Nguyễn Văn Quý, P.Tân Thuận Đông, Quận 7,
Tp.HCM

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2015
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		37.907.921.453	32.193.284.961
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		7.318.577.818	8.777.927.604
03	Các khoản dự phòng		9.653.220.290	15.051.888.142
04	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(67.475.258)	(17.254.360)
05	Lãi, Lỗ từ hoạt động đầu tư		1.304.199.613	(5.211.524.755)
06	Chi phí lãi vay		3.263.400.121	4.963.566.187
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		59.379.844.037	55.757.887.779
09	Tăng, giảm các khoản phải thu		(19.373.836.170)	(19.708.392.270)
10	Tăng, giảm hàng tồn kho		(27.804.934.893)	16.469.826.058
11	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		44.755.013.209	(49.428.215.478)
12	Tăng, giảm chi phí trả trước		722.470.863	4.803.266.728
14	Tiền lãi vay đã trả		(3.220.532.080)	(4.965.414.817)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(9.731.121.097)	(7.301.580.022)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	2.337.517.652
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(6.246.792.736)	(81.000.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		38.480.111.133	(2.116.104.370)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(4.097.787.991)	(3.239.234.776)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		2.995.640.374	12.354.093.728
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	267.131.076
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.101.609.141	587.810.716
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		999.461.524	9.969.800.744

Công ty Cổ phần Bảo Vệ Thực vật Sài Gòn
Khu phố 1, Nguyễn Văn Quý, P.Tân Thuận Đông, Quận 7,
Tp.HCM

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2015
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	3. Tiền thu từ đi vay		229.468.466.833	283.159.399.441
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(236.137.434.412)	(274.486.313.924)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính		(608.066.330)	(176.335.599)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(6.650.926.051)	(8.626.218.134)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(13.927.959.960)	(129.468.216)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		25.551.612.697	7.724.228.158
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		20.318.146.627	12.576.664.109
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		67.475.258	17.254.360
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	<u>45.937.234.582</u>	<u>20.318.146.627</u>

Người lập



Bùi Thị Diễm Phúc

Kế toán trưởng



Bùi Thị Ánh Tuyết

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 03 năm 2016

Giám đốc



Nguyễn Quốc Dũng



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2015

I . THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bảo Vệ Thực vật Sài Gòn được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 03006632232 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 14 tháng 06 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ bảy ngày 21/05/2015.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Khu phố 1, Nguyễn Văn Quý, P.Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp.HCM.

Vốn điều lệ 105.300.000.000 đồng tương ứng 10.530.000 cổ phần. Mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 VND.

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hóa chất khác dùng trong nông nghiệp;
- Mua bán hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh);
- Mua bán phân bón, thuốc thú y thủy sản, thuốc bảo vệ thực vật;

Cấu trúc tập đoàn

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
- Chi nhánh Hà Nội	TP. Hà Nội	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật
- Chi nhánh Đắk Lắk	Tỉnh Đắk Lắk	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật
- Chi nhánh Đà Nẵng	TP. Đà Nẵng	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật
- Chi nhánh Long An	Tỉnh Long An	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật
- Chi nhánh Đồng Tháp	Tỉnh Đồng Tháp	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật
- Chi nhánh Bạc Liêu	Tỉnh Bạc Liêu	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật
- Chi nhánh Đức Trọng (*)	Tỉnh Lâm Đồng	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật
- Chi nhánh Vĩnh Long	Tỉnh Vĩnh Long	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật
- Chi nhánh Gia Lai	Tỉnh Gia Lai	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật
- Chi nhánh Kiên Giang	Tỉnh Kiên Giang	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật
- Trạm dịch vụ Bảo vệ thực vật	TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật
- Chi nhánh Khánh Hòa	Tỉnh Khánh Hòa	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật
- Chi nhánh Cần Thơ	TP. Cần Thơ	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật
- Chi nhánh Bình Phước (*)	Tỉnh Bình Phước	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật
- Chi nhánh Nghệ An	Tỉnh Nghệ An	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật
- Chi nhánh Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật
- Xí nghiệp Hiệp Phước	TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất thuốc bảo vệ thực vật
- Chi nhánh Bình Dương (*)	Tỉnh Bình Dương	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật
- Chi nhánh Tân An	Tỉnh Long An	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật
- Chi nhánh An Giang	Tỉnh An Giang	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật

(*) Các chi nhánh trong năm đã giải thể

Tổng số các Công ty con:

- + Số lượng các Công ty con được hợp nhất: 02 Công ty;
- + Số lượng các Công ty con không được hợp nhất: không có.

Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2015 bao gồm:

STT	Tên Công ty	Nơi thành lập	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
1	Công ty TNHH Bảo vệ Thực vật Sài Gòn - Lào	Cộng hòa dân chủ ND Lào	100,00%	100,00%	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật
2	Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn - Cambodia	Vương Quốc Campuchia	100,00%	100,00%	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật

Công ty có các công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát quan trọng được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2015 bao gồm:

STT	Tên Công ty	Nơi thành lập	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
1	Công ty Cổ phần Thương mại Mộc Hóa	Tỉnh Long An	36,35%	36,35%	Kinh doanh thương mại

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Ngày 22/12/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Ảnh hưởng của các thay đổi chính sách kế toán theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC và Thông tư 202/2014/TT-BTC được áp dụng phi hồi tố. Công ty đã bổ sung thuyết minh thông tin so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC, tại Thuyết minh số 43.

Công ty Cổ phần Bảo Vệ Thực vật Sài Gòn
Khu phố 1, Nguyễn Văn Quý, P.Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp.HCM

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

2.4 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

2.5 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư ngắn hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định cụ thể về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.6 . Chuyển đổi Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam

Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang Báo cáo tài chính lập bằng đồng Việt Nam theo các tỷ giá sau: tài sản và nợ phải trả theo tỷ giá cuối năm, vốn đầu tư của chủ sở hữu theo tỷ giá tại ngày góp vốn, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo tỷ giá bình quân năm tài chính.

2.7 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc chi phí thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Công ty Cổ phần Bảo Vệ Thực vật Sài Gòn
Khu phố 1, Nguyễn Văn Quý, P.Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp.HCM

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.8 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.9 . Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể
Đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

2.10 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang lâm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Công ty Cổ phần Bảo Vệ Thực vật Sài Gòn
Khu phố 1, Nguyễn Văn Quý, P.Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp.HCM

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

2.11 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.12 . Tài sản cố định, tài sản cố định thuê tài chính và bất động sản đầu tư

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính (không bao gồm thuế GTGT). Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính được trích căn cứ theo thời gian thuê theo hợp đồng và tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh, đảm bảo thu hồi đủ vốn.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 12 năm
- Phương tiện vận tải	05 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08 năm
- Tài sản cố định hữu hình khác	03 năm
- Tài sản cố định vô hình khác	03 năm
- Phần mềm vi tính	03 năm

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25 năm
--------------------------	-------------

2.13 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Công ty Cổ phần Bảo Vệ Thực vật Sài Gòn
Khu phố 1, Nguyễn Văn Quý, P.Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp.HCM

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

2.14 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.15 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.16 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.17 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.18 . Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ kế toán. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm tài chính trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở năm báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm, trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm tài chính.

2.19 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện đối với hoạt động bán hàng cho khách hàng truyền thống là giá trị hợp lý của hàng hóa, dịch vụ mà Công ty sẽ cung cấp miễn phí (hoặc số tiền phải chiết khấu, giảm giá) cho người mua khi người mua đạt được các điều kiện theo quy định của chương trình khách hàng truyền thống.

2.20 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.21 . Doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.22 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính riêng của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

2.23 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

Các khoản ghi giảm giá vốn hàng bán phát sinh trong năm bao gồm: hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho và các khoản chiết khấu thương mại nhận được của hàng hóa đã tiêu thụ trong kỳ.

2.24 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.25 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành (hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả nằm trong thời gian thuế suất mới có hiệu lực), dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

* Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi lập Bảng cân đối kế toán.

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

2.26 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp Phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	19.589.439.104	8.632.456.862
Tiền gửi ngân hàng	26.347.795.478	11.685.689.765
	45.937.234.582	20.318.146.627

Công ty Cổ phần Bảo Vệ Thực vật Sài Gòn
Khu phố 1, Nguyễn Văn Quý, P.Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp.HCM

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Tổng giá trị cổ phiếu	1.837.670.000	636.480.000	(1.201.190.000)	911.880.000
- Cổ phiếu CTCP Nông dược H.A.I (mã CK: HAI)	1.837.670.000	636.480.000	(1.201.190.000)	911.880.000

Giá trị hợp lý của mã HAI được xác định theo giá đóng cửa tại ngày 31/12/2015

b) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	31/12/2015		01/01/2015	
	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu
Đầu tư vào công ty liên kết	Tỉnh Long An	36,35%	36,35%	11.167.242.437
	- Công ty Cổ phần Thương mại Mộc Hóa			
	-	36,35%	36,35%	11.167.242.437
	Tỉnh Long An	36,35%	36,35%	10.922.288.410
	Tỉnh Long An	36,35%	36,35%	10.922.288.410

Công ty Cổ phần Bảo Vệ Thực vật Sài Gòn
Khu phố 1, Nguyễn Văn Quý, P.Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp.HCM

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

5 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
- Đại lý SEAR KIM SRU	7.375.606.548	1.071.974.920
- Đại lý LIM KUON HENG	6.645.658.924	7.233.658.043
- Đại lý CHHUN HONG	3.950.713.765	3.255.462.725
- Các khoản phải thu khách hàng khác	212.949.242.623	197.754.351.399
	230.921.221.860	209.315.447.087
b) Phải thu của khách hàng phân loại theo kỳ hạn thanh toán		
- Các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn	230.921.221.860	209.315.447.087
	230.921.221.860	209.315.447.087

6 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn				
- Phải thu về tạm ứng	1.396.016.596	-	2.153.835.279	-
- Ký cược, ký quỹ	6.263.674.242	-	8.339.015.716	-
- Phải thu BHXH	173.266.849	-	-	-
Phải thu quỹ khen thưởng phúc lợi	1.127.342.416	-	3.386.763.286	-
Phải thu Công ty Monsanto Thai Land ⁽¹⁾	22.813.197.000	(22.813.197.000)	22.813.197.000	(22.813.197.000)
Phải thu về chi hộ Công ty TNHH Dekalb Việt Nam	704.195.213	(704.195.213)	704.195.213	(704.195.213)
+ Chi phí vận chuyển	98.656.600	(98.656.600)	98.656.600	(98.656.600)
+ Chi phí tài chế hàng hộ Dekalb Việt Nam	605.148.613	(605.148.613)	605.148.613	(605.148.613)
+ Cho mượn hàng và chi hộ bằng sản phẩm cho các chương trình khuyến mãi (3 mặt hàng C991, DK9901, DK414) ⁽²⁾	390.000	(390.000)	390.000	(390.000)
Phải thu về cho Công ty TNHH Dekalb Việt Nam mượn hàng ⁽³⁾	1.517.247.000	(1.517.247.000)	1.517.247.000	(1.517.247.000)
Phải thu về chi hộ tiền trợ cấp mất việc làm	-	-	27.381.375	-
Phải thu tiền thuế TNCN	-	-	75.704.522	-
- Phải thu khác	303.096.126	-	691.829.824	-
	34.298.035.441	(25.034.639.213)	39.709.169.215	(25.034.639.213)
b) Dài hạn				
- Ký cược, ký quỹ	281.130.000	-	227.801.000	-
	281.130.000	-	227.801.000	-

⁽¹⁾ Đây là khoản phải thu Công ty Monsanto Thai Land liên quan đến lượng hàng bắp giống thu hồi từ các đại lý từ năm 2009 đến năm 2010, không còn khả năng thương mại (lỗi kỹ thuật, hỏng hóc, hết hạn sử dụng, kém phẩm chất, mỗi một...), chi tiết như sau:

Mã hàng	Số lượng tại kho (1)	Số lượng tại kho (2)	Tổng cộng (3) = (1) + (2)	Đơn giá (4)	Thành tiền (5) = (4) x (3)
C919	32.075	184.300	216.375	69.000	14.929.875.000
DK414	12.924	80.340	93.264	69.000	6.435.216.000
DK9901	1.689	17.880	19.569	74.000	1.448.106.000
Cộng	46.688	282.520	329.208		22.813.197.000

Số lượng này đã được giao cho Công ty TNHH Dekalb Việt Nam (Dekalb Việt Nam - pháp nhân đại diện cho Công ty Monsanto Thailand) để làm nguyên liệu phân bón vi sinh từ năm 2011, thay vào đó Dekalb Việt Nam sẽ trả lại cho SPC hàng mới hoặc hàng có giá trị tương đương với tỷ lệ 10%- 20% tính trên số lượng SPC mua hàng của Dekalb Việt Nam. Cho đến hiện tại SPC chưa thực hiện mua hàng của Dekalb Việt Nam và các bên vẫn chưa có các thỏa thuận tiếp theo về phương án giải quyết số hàng nêu trên.

⁽²⁾ Tại ngày 31/12/2015, số lượng hàng mà Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn cho Công ty Dekalb Việt Nam, Monsanto Thailand mượn gồm:

Mã hàng	Số lượng cho mượn (*)	Số hàng đã trả Kg	Số còn phải thu, phải trả Kg	Đơn giá VND	Thành tiền VND
C919	21.841	(15.000)	6.841	69.000	472.029.000
DK414	4.142	(5.000)	(858)	69.000	(59.202.000)
DK9901	13.980	-	13.980	79.000	1.104.420.000
Cộng	39.963	(20.000)	19.963		1.517.247.000

⁽³⁾ Hai bên chưa ký kết hợp đồng hay biên bản thỏa thuận về việc cho mượn hàng. Công ty Dekalb sẽ xem xét và kiểm tra lại số lượng hàng đã mượn. Tuy nhiên, đến thời điểm 31/12/2015, Công ty Dekalb vẫn chưa xác nhận về số lượng hàng đã mượn.

7 . NỢ KHÓ ĐÒI

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
- Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
+ Công ty Monsanto Thai Land	22.813.197.000	-	22.813.197.000	-
+ Công ty TNHH Giống cây trồng	5.661.724.018	-	5.661.724.018	1.702.414.352
+ Đại lý LIM KUON HENG	1.457.580.972	437.274.292	-	-
+ Đại lý VAN NARY	-	-	881.791.996	103.020.700
+ Đại lý SENG HUN	81.195.761	40.597.881	770.189.896	41.677.338
+ Đại lý SOK NAY	457.398.278	137.219.483	1.511.339.057	35.953.966
+ Đại lý THAI HEANG	498.716.771	236.051.302	3.238.712.823	901.345.058
+ Đối tượng khác	28.082.507.968	13.589.579.573	23.403.316.128	15.510.598.505
	59.052.320.768	14.440.722.531	58.280.270.918	18.295.009.919

Công ty Cổ phần Bảo Vệ Thực vật Sài Gòn
Khu phố 1, Nguyễn Văn Quý, P.Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp.HCM

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

8 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2015		01/01/2015 (Đã điều chỉnh)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	9.298.732.800	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	85.457.506.168	(2.737.909.054)	48.154.549.933	(3.571.157.179)
Công cụ, dụng cụ	183.539.430	(5.845.642)	323.243.087	(18.387.000)
Thành phẩm	117.350.593.241	(9.066.383.694)	124.600.472.970	(8.367.634.259)
Hàng hoá	15.906.747.370	(932.201.937)	27.313.918.126	(504.095.837)
	228.197.119.009	(12.742.340.327)	200.392.184.116	(12.461.274.275)

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm: 7.219.095.808 VND
- Nguyên nhân và hướng xử lý đối với hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất: hàng tồn kho mất phẩm chất chủ yếu là hàng cận hạn, quá hạn sử dụng, hàng hư hỏng (bể chai, bao bì bị bục, xi...)... Các hàng tồn kho là hóa chất sẽ được Công ty thuê ngoài để xử lý đúng theo quy định của Bộ Tài nguyên môi trường về xử lý chất thải nguy hại, riêng đối với các công cụ dụng cụ, nguyên vật liệu khác sẽ được Công ty tận dụng hoặc bán thanh lý.

9 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
- Dự án Kho Long An	407.320.574	407.320.574
- Dự án kho mở rộng Cần Thơ	158.386.306	158.386.306
- Chi phí trồng vườn cây lâu năm và công trình xây dựng tại Lào	-	1.071.184.552
- Cây café trồng năm 2012 tại Lào	-	331.054.249
	565.706.880	1.967.945.681

Công ty Cổ phần Bảo Vệ Thực vật Sài Gòn
Khu phố 1, Nguyễn Văn Quỳ, P. Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp.HCM

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Tài sản cố định khác		Cộng (Đã điều chỉnh)	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá												
Số dư đầu năm	51.532.068.803	39.721.711.807	28.828.669.955	2.884.944.028	6.498.295.056	129.465.689.649						
- Mua trong năm	-	1.135.471.592	3.801.816.775	-	155.444.425	5.092.732.792						
- Thanh lý, nhượng bán	(218.225.631)	(2.618.670.724)	(977.722.612)	-	(5.525.527.912)	(9.340.146.878)						
- Chuyển lịch tỷ giá do chuyển đổi	-	228.855.445	391.841.901	-	143.978.127	764.675.473						
Số dư cuối năm	51.313.843.172	38.467.368.120	32.044.606.019	2.884.944.028	1.272.189.696	125.982.951.036						
Giá trị hao mòn lũy kế												
Số dư đầu năm	35.709.225.721	33.168.478.660	27.385.485.978	2.884.944.028	1.495.752.357	100.643.886.744						
- Khấu hao trong năm	2.996.474.798	2.510.759.052	797.375.112	-	479.450.767	6.784.059.729						
- Thanh lý, nhượng bán	(218.225.631)	(2.532.394.635)	(957.831.307)	-	(1.232.044.286)	(4.940.495.859)						
- Chuyển lịch tỷ giá do chuyển đổi	-	209.183.406	344.816.387	-	24.904.348	578.904.141						
Số dư cuối năm	38.487.474.888	33.356.026.483	27.569.846.170	2.884.944.028	768.063.186	103.066.354.756						
Giá trị còn lại												
Tại ngày đầu năm	15.822.843.082	6.553.233.147	1.443.183.977	-	5.002.542.699	28.821.802.905						
Tại ngày cuối năm	12.826.368.284	5.111.341.637	4.474.759.849	-	504.126.510	22.916.596.280						

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thẻ chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 3.339.202.000 VND
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 88.662.442.997 VND
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm chờ thanh lý: 967.152.000 VND

Công ty Cổ phần Bảo Vệ Thực vật Sài Gòn
Khu phố 1, Nguyễn Văn Quỳ, P.Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp.HCM

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	-	608.202.502	608.202.502
- Thuê tài chính trong năm	1.800.132.247	-	1.800.132.247
Số dư cuối năm	1.800.132.247	608.202.502	2.408.334.749
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	177.392.397	177.392.397
- Khấu hao trong năm	-	101.367.084	101.367.084
Số dư cuối năm	-	278.759.481	278.759.481
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	-	430.810.105	430.810.105
Tại ngày cuối năm	1.800.132.247	329.443.021	2.129.575.268

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	TSCĐ vô hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	3.213.389.900	395.886.350	533.175.000	4.142.451.250
Số dư cuối năm	3.213.389.900	395.886.350	533.175.000	4.142.451.250
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	162.544.090	395.886.350	475.698.750	1.034.129.190
- Khấu hao trong năm	54.159.000	-	57.476.250	111.635.250
Số dư cuối năm	216.703.090	395.886.350	533.175.000	1.145.764.440
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	3.050.845.810	-	57.476.250	3.108.322.060
Tại ngày cuối năm	2.996.686.810	-	-	2.996.686.810

Công ty Cổ phần Bảo Vệ Thực vật Sài Gòn
Khu phố 1, Nguyễn Văn Quý, P.Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp.HCM

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

13 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư cho thuê tại ngày 31/12/2015 là nhà cửa cho thuê tại Huyện Bachieng, tỉnh Champasak, Quốc gia Lào có nguyên giá 4,59 tỷ VND, giá trị hao mòn lũy kế là 1,423 tỷ VND. (tại ngày 31/12/2014 có nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế lần lượt là 4,431 tỷ VND và 1,101 tỷ VND)

14 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	316.683.541	93.572.064
- Chi phí thuê kho	102.459.779	25.000.000
- Chi phí phần mềm máy tính chờ phân bổ	47.145.837	-
- Các chi phí khác	39.798.901	45.050.837
	<u>506.088.058</u>	<u>163.622.901</u>
b) Dài hạn		
- Chi phí thuê đất Hiệp Phước (*)	16.264.107.839	16.728.796.631
- Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	61.019.244	29.310.160
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	1.027.508.459	887.078.939
- Chi phí cải tạo đất thuê tại Lào	634.450.510	1.425.164.161
- Các chi phí khác	54.242.066	35.914.247
	<u>18.041.328.118</u>	<u>19.106.264.138</u>

(*) Đây là khoản chi phí thuê đất trả trước cho diện tích 42.123 m2 thuộc lô C1-C3 tại Khu Công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh theo hợp đồng cho thuê quyền sử dụng đất số 80/HĐTĐ.05 ngày 27/06/2005 và Phụ lục hợp đồng số 09 ngày 28/07/2008 giữa Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn và Công ty Cổ phần Phát triển Công nghiệp Tân Thuận, thời hạn thuê là 44 năm tính từ ngày 27 tháng 06 năm 2005.

Công ty Cổ phần Bảo Vệ Thực vật Sài Gòn

Khu phố 1, Nguyễn Văn Quý, P.Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp.HCM

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng	564.450.783	763.874.173	64.576.754.270	63.994.442.058	-	781.735.601
- Thuế xuất, nhập khẩu	98.669.261	185.647.382	2.212.573.168	2.299.551.289	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	3.050.692.211	10.721.277.748	9.731.121.097	-	4.040.848.862
- Thuế thu nhập cá nhân	160.471.483	558.410.107	1.659.236.013	1.676.190.628	-	380.984.009
- Các loại thuế khác	-	-	138.186.132	21.856.713	-	116.329.419
	823.591.527	4.558.623.873	79.308.027.331	77.723.161.786	-	5.319.897.891

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Công ty Cổ phần Bảo Vệ Thực vật Sài Gòn
Khu phố 1, Nguyễn Văn Quý, P. Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp.HCM

16 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2015		Trong năm		31/12/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
- Vay ngắn hạn Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC ⁽¹⁾	10.892.117.400	10.892.117.400	99.234.709.889	85.657.344.549	24.469.482.740	24.469.482.740
- Vay ngắn hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh TP.HCM ⁽²⁾	4.250.000.000	4.250.000.000	14.786.284.981	17.459.534.981	1.576.750.000	1.576.750.000
- Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 1 - TP.HCM ⁽³⁾	58.596.938.550	58.596.938.550	78.864.141.237	107.215.874.633	30.245.205.154	30.245.205.154
- Vay ngắn hạn Ngân hàng Dầu tư Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn ⁽⁴⁾	4.390.000.000	4.390.000.000	34.458.384.000	22.799.896.000	16.048.488.000	16.048.488.000
- Ngân hàng Liên Doanh Lào - Chi nhánh Champasak	507.888.639	507.888.639	-	507.888.639	-	-
- Vay cá nhân ⁽⁵⁾	96.500.000	96.500.000	-	26.500.000	70.000.000	70.000.000
- Nợ dài hạn đến hạn trả Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 1 - TP.HCM ⁽⁶⁾	-	-	800.000.000	-	800.000.000	800.000.000
- Vay dài hạn đến hạn trả Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh TP.HCM ⁽⁷⁾	1.950.908.768	1.950.908.768	759.334.981	1.950.908.768	759.334.981	759.334.981
- Nợ dài hạn đến hạn trả Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam ⁽⁸⁾	200.772.330	200.772.330	762.749.844	608.066.330	355.455.844	355.455.844
	80.885.125.687	80.885.125.687	229.665.604.932	236.226.013.900	74.324.716.719	74.324.716.719

Công ty Cổ phần Bảo Vệ Thực vật Sài Gòn
Khu phố 1, Nguyễn Văn Quỳ, P.Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp.HCM

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

16 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2015		Trong năm		31/12/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
b) Vay dài hạn						
- Vay dài hạn						
+ Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 1 - TP.HCM ⁽⁶⁾	-	-	2.124.946.726	600.000.000	1.524.946.726	1.524.946.726
+ Vay dài hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh TP.HCM ⁽⁷⁾	3.137.619.230	3.137.619.230	-	2.378.284.249	759.334.981	759.334.981
- Nợ thuế tài chính dài hạn						
+ Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam ⁽⁸⁾	237.036.070	237.036.070	1.800.132.247	608.066.330	1.429.101.987	1.429.101.987
	3.374.655.300	3.374.655.300	3.925.078.973	3.586.350.579	3.713.383.694	3.713.383.694
	(2.151.681.098)	(2.151.681.098)	(2.322.084.825)	(2.558.975.098)	(1.914.790.825)	(1.914.790.825)
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	1.222.974.202	1.222.974.202	1.602.994.148	1.027.375.481	1.798.592.869	1.798.592.869
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng						

Công ty Cổ phần Bảo Vệ Thực vật Sài Gòn
Khu phố 1, Nguyễn Văn Quý, P.Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp.HCM

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

- (1) Thư đề nghị cung cấp tiện ích chung hiện hành số VNM 130854 với các điều khoản chi tiết như sau:
Hạn mức tín dụng: 7.000.000 USD;
 - Mục đích vay: vay thanh toán tiền hàng;
 - Thời hạn cho vay: 01 tháng đến 04 tháng;
 - Lãi suất cho vay: 6,90 %/năm;
 - Hình thức bảo đảm tiền vay: Thẻ chấp hàng tồn kho tại từng thời điểm theo hợp đồng thế chấp số VNM 091059/MS sửa đổi lần 4 ngày 02/12/2014
 - Dự nợ gốc tại thời điểm 31/12/2015 là 24.469.482.740 đồng.
- (2) Hợp đồng tín dụng số 1700-LAV-201501050 ngày 16/9/2015, với các điều khoản chi tiết sau:
 - Hạn mức tín dụng: 100.000.000.000 đồng;
 - Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, mua nguyên vật liệu, chi lương và các chi phí sản xuất, chi phí tài chính. Thanh toán LC đến hạn và nhận nợ vay bắt buộc đối với chiết khấu chứng từ nếu nước ngoài từ chối thanh toán, bảo lãnh.
 - Thời hạn cho vay: Theo từng giấy nhận nợ tối đa không quá 6 tháng;
 - Lãi suất cho vay: Theo từng giấy nhận nợ;
 - Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp;
 - Dự nợ gốc tại thời điểm 31/12/2015 là 1.576.570.398 đồng.
- (3) Hợp đồng tín dụng số 173/2015-HĐTĐHM/NHCT902-SPC ngày 30/9/2015, với các điều khoản chi tiết sau:
 - Hạn mức tín dụng: 150.000.000.000 đồng;
 - Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh;
 - Thời hạn cho vay: Theo từng giấy nhận nợ tối đa không quá 6 tháng;
 - Lãi suất cho vay: Theo từng giấy nhận nợ;
 - Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp;
 - Dự nợ gốc tại thời điểm 31/12/2015 là 30.245.205.154 đồng.
- (4) Hợp đồng tín dụng số 383/2014/5778006/HĐ ngày 28/4/2014, văn bản sửa đổi bổ sung số 411/2015/5778006 ngày 23/4/2015, với các điều khoản chi tiết sau:
 - Hạn mức tín dụng: 100.000.000.000 đồng;
 - Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh mở L/C;
 - Thời hạn cho vay: đến 28/04/2016;
 - Lãi suất cho vay: Theo từng khế ước cụ thể;
 - Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp;
 - Dự nợ gốc tại thời điểm 31/12/2015 là 16.048.488.000 đồng.
- (5) Bao gồm các khoản vay cán bộ công nhân viên theo thông báo của Công ty ngày 11/5/2011, lãi suất 8%/năm.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

- (6) Hợp đồng tín dụng số 51/2015-HĐTĐ/NHCT902-SPC Ngày 11/3/2015, VB sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 51/2015-HĐTĐ-SĐBS01/NHCT902-SPC với các điều khoản chi tiết sau:
 - Số tiền ngân hàng cho vay: 2.124.946.726 VND;
 - Mục đích vay: Mua 6 xe ô tô tải, bán tải;
 - Thời hạn cho vay: 30 tháng;
 - Lãi suất cho vay: thay đổi theo từng thời kỳ, lãi suất kỳ đầu: 10,5%/năm;
 - Hình thức bảo đảm tiền vay: theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 67/2015-HĐTĐ/NHCT902-SPC gày 2/6/2016;
 - Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2015 là 1.524.946.726 đồng, số dư nợ gốc phải trả trong năm tới là 800.000.000 đồng.

Công ty Cổ phần Bảo Vệ Thực vật Sài Gòn
Khu phố 1, Nguyễn Văn Quý, P.Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp.HCM

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

- (7) Hợp đồng tín dụng số Hợp đồng 1700-LAV-201000091 ngày 05/01/2010 với các điều khoản chi tiết sau:
- Số tiền ngân hàng cho vay: 40.759.000.000VND
 - Mục đích vay: Đầu tư xây dựng nhà máy tại KCN Hiệp Phước giai đoạn 2;
 - Thời hạn cho vay: 72 tháng;
 - Lãi suất cho vay: 12%/năm;
 - Hình thức bảo đảm tiền vay: Tài sản hình thành trong tương lai;
 - Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2015 và số dư nợ gốc phải trả trong năm tới là 759.334.981 đồng.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản nợ thuê tài chính:

(8) Bao gồm các hợp đồng sau:

(8.1) Hợp đồng cho thuê tài chính số 2013-00012-000 ngày 28/02/2013 với các điều khoản chi tiết sau:

- Giá mua tài sản: 666.082.452 đồng;
- Thời hạn thuê: 36 tháng;
- Lãi suất thuê: lãi suất thả nổi cộng lãi suất cố định 2,5%/năm;
- Số dư nợ gốc đến 31/12/2015 và nợ đến hạn trả trong năm 2016 là 36.263.740 đồng.

(8.2) Hợp đồng thuê tài chính số 2015-00196-000 ngày 09/10/2015 với các điều khoản chi tiết sau:

- Giá mua tài sản: 1.800.132.247 VND;
- Thời hạn thuê: 48 tháng;
- Lãi suất thuê: lãi suất thả nổi cộng lãi suất cố định 1,38%/năm;
- Số dư nợ gốc đến 31/12/2015 là 1.392.838.987 VND, nợ đến hạn trả trong năm 2016 là 407.293.260 VND.

e) Các khoản vay và nợ thuê tài chính đối với các bên liên quan

	Mối quan	31/12/2015		01/01/2015	
		Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
		VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn					
- Nguyễn Quốc Dũng	Giám đốc	54.000.000	-	54.000.000	-
		54.000.000	-	54.000.000	-

17 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Kolon Global Corporation	36.499.148.112	36.499.148.112	21.611.780.352	21.611.780.352
- Nongfeng Agrochem Co.,Ltd	88.956.417.435	88.956.417.435	90.162.009.395	90.162.009.395
- Changzhou Eastchem International	46.985.890.889	46.985.890.889	22.559.791.408	22.559.791.408
- Công ty TNHH TM & SX Nam Long Phát	16.410.465.079	16.410.465.079	17.845.615.709	17.845.615.709
- Phải trả các đối tượng khác	54.732.769.335	54.732.769.335	49.700.731.435	49.700.731.435
	243.584.690.850	243.584.690.850	201.879.928.299	201.879.928.299
b) Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn thanh toán				
- Phải trả người bán ngắn hạn	243.584.690.850	243.584.690.850	201.879.928.299	201.879.928.299
	243.584.690.850	243.584.690.850	201.879.928.299	201.879.928.299
c) Phải trả người bán là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 42)	-	-	15.371.757.988	15.371.757.988

18 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	106.304.994	63.436.953
- Trích trước chương trình bán hàng	1.923.010.574	1.223.575.000
- Chi phí phải trả khác	-	77.197.761
	2.029.315.568	1.364.209.714

19 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Tài sản thừa chờ xử lý	-	7.803.619
- Kinh phí công đoàn	710.381.172	961.096.135
- Bảo hiểm xã hội	-	534.313.424
- Phải trả về chiết khấu thương mại	4.778.238.034	6.217.649.809
- Phải trả lãi ký quỹ	332.337.556	329.933.561
- Phải trả về hỗ trợ phí vận chuyển, thanh toán	319.023.409	158.297.145
- Phải trả chiết khấu thanh toán	3.642.842.589	232.416.588
- Phải trả Sở Tài chính TP. HCM	-	500.000.000
- Cổ tức phải trả	4.451.840.350	572.766.401
+ Công ty Cổ phần Nông dược H.A.I	-	28.600.000
+ Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn	4.147.020.000	-
+ Cổ đông khác	304.820.350	544.166.401
- Phải trả CBCNV tiền bồi dưỡng độc hại	-	370.936.386
- Phải trả về nhận đổi hàng cho khách hàng	339.290.966	871.031.723
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.726.552.026	2.232.045.590
	16.300.506.101	12.988.290.381
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	4.928.254.000	5.708.254.000
	4.928.254.000	5.708.254.000

20 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

Doanh thu chưa thực hiện đối với hoạt động bán hàng cho khách hàng truyền thống là giá trị hợp lý của hàng hóa, dịch vụ mà Công ty sẽ phải chiết khấu, giảm giá cho người mua khi người mua đạt được các điều kiện theo quy định của chương trình khách hàng truyền thống. Chương trình chiết khấu được thực hiện từ tháng 10/2015 đến tháng 9/2016. Doanh thu chưa thực hiện tại ngày 31/12/2015 số tiền 1,539 tỷ VND là khoản chiết khấu khách hàng được hưởng tương ứng doanh số thực hiện đến 31/12/2015.

21 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Dự phòng phải trả ngắn hạn tại ngày 31/12/2015 số tiền 4,47 tỷ VND là khoản dự phòng chi phí xử lý lượng hàng tồn kho hết niên hạn, kém phẩm chất đã được trích lập dự phòng. Chi phí dự phòng được xác định theo đơn giá và số lượng hàng xử lý.

Công ty Cổ phần Bảo Vệ Thực vật Sài Gòn
Khu phố 1, Nguyễn Văn Quỳ, P. Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp.HCM

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

22 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái		Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng
	VND	VND		VND	VND		VND	VND	
Số dư đầu năm trước	105.300.000.000	782.715.818	782.715.818	7.977.774.315	12.620.782.582	17.345.507.411	144.026.780.126		
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	22.451.261.918	22.451.261.918		
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	1.432.167.088	(1.432.167.088)	-		
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	-	(8.424.000.000)	(8.424.000.000)		
Thù lao HĐQT & Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	(111.000.000)	(111.000.000)		
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(2.864.334.174)	(2.864.334.174)		
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính	-	-	-	144.722.647	-	-	-	144.722.647	
Số dư cuối năm trước	105.300.000.000	782.715.818	782.715.818	8.122.496.962	14.052.949.670	26.965.268.068	155.223.430.518		
Số dư đầu năm nay	105.300.000.000	782.715.818	782.715.818	8.122.496.962	14.052.949.670	26.965.268.068	155.223.430.518		
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	28.027.996.079	28.027.996.079		
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	1.830.485.932	(1.830.485.932)	-		
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	-	(10.530.000.000)	(10.530.000.000)		
Thù lao HĐQT & Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	(326.400.000)	(326.400.000)		
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(3.660.971.866)	(3.660.971.866)		
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính	-	-	-	(612.996.787)	-	-	(612.996.787)		
Số dư cuối năm nay	105.300.000.000	782.715.818	782.715.818	7.509.500.175	15.883.435.602	38.645.406.349	168.121.057.944		

Công ty Cổ phần Bảo Vệ Thực vật Sài Gòn
Khu phố 1, Nguyễn Văn Quý, P.Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp.HCM

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 số 28/2015/NQ-ĐHCD ngày 24 tháng 04 năm 2015, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2014 như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế năm 2014	100,00	19.391.961.870
Trích Quỹ đầu tư phát triển	9,44	1.830.485.932
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	18,88	3.660.971.866
Trích thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	1,68	326.400.000
Chi trả cổ tức 10%/vốn điều lệ (tương ứng mỗi cổ phần nhận 1.000 đồng)	54,30	10.530.000.000
Lợi nhuận còn lại năm 2014 chưa phân phối	15,70	3.044.104.072

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	Tỷ lệ	Cuối năm	Tỷ lệ	Đầu năm
	%	VND	%	VND
- Vốn góp Công ty mẹ - Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn - TNHH MTV	59,33	62.470.200.000	59,33	62.470.200.000
- Vốn góp của các cổ đông khác	40,67	42.829.800.000	40,67	42.829.800.000
	159	105.300.000.000	159	105.300.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	105.300.000.000	105.300.000.000
- Vốn góp cuối năm	105.300.000.000	105.300.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	10.530.000.000	8.424.000.000

d) Cổ phiếu	31/12/2015	01/01/2015
	Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.530.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	10.530.000	10.530.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	10.530.000	10.530.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/cổ phần.

Công ty Cổ phần Bảo Vệ Thực vật Sài Gòn
Khu phố 1, Nguyễn Văn Quý, P.Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp.HCM

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

e) Các quỹ của công ty

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	15.883.435.602	14.052.949.670
	15.883.435.602	14.052.949.670

23 . CHÈNH LỆCH TỶ GIÁ

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Số dư đầu năm	8.122.496.962	7.977.774.315
Số tăng trong năm	(612.996.787)	144.722.647
- Do chuyển đổi BCTC lập bằng ngoại tệ sang VND	(612.996.787)	144.722.647
Số giảm trong năm	-	-
Số dư cuối năm	7.509.500.175	8.122.496.962

24 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

a) Ngoại tệ các loại

	31/12/2015	01/01/2015
- Đô la Mỹ (USD)	1.846,04	47.023,63

b) Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
- Công ty TNHH Vinh Hiền	21.224.845	21.224.845
- Hợp tác xã Thịnh Phát	26.018.647	26.018.647
- Cửa hàng Văn Xinh	66.238.251	66.238.251
- Ông Trần Hoàng Nam	26.000.000	26.000.000
- Ông Giang Minh Tường	17.147.520	17.147.520
- Ông Đinh Đoàn Đơn Vương	12.975.674	12.975.674
- Ông Lê Thanh Tùng	12.339.549	12.339.549
- Các đối tượng khác	464.790.627	464.790.627
	646.735.113	646.735.113

Nguyên nhân của việc xóa nợ: Các khoản phải thu là nợ phải thu khó đòi trên 3 năm và đã được trích lập dự phòng, một số khoản phải thu khách hàng có giá trị lớn đã được Công ty khởi kiện ra tòa án nhưng chưa thể thi hành án do các khách hàng này không còn tài sản để thu hồi.

Công ty Cổ phần Bảo Vệ Thực vật Sài Gòn
Khu phố 1, Nguyễn Văn Quý, P.Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp.HCM

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

25 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2015	Năm 2014 (Đã điều chỉnh)
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	894.061.400.858	901.815.709.921
	894.061.400.858	901.815.709.921

Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 42)

26 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2015	Năm 2014 (Đã điều chỉnh)
	VND	VND
- Giảm giá hàng bán	12.698.571	21.436.054.258
- Hàng bán bị trả lại	21.841.204.015	10.336.492
	21.853.902.586	21.446.390.750

27 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Giá vốn thành phẩm, hàng hóa đã bán	644.173.993.438	661.188.727.856
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	281.066.052	5.078.129.026
	644.455.059.490	666.266.856.882

28 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.521.449.344	464.810.716
Lãi bán các khoản đầu tư	-	72.333.913
Cổ tức, lợi nhuận được chia	580.159.797	
Lãi chênh lệch tỷ giá	4.141.999.243	2.349.606.659
Doanh thu hoạt động tài chính khác	96.781.156	170.713.077
	6.340.389.540	3.057.464.365

29 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền vay	3.263.400.121	4.963.566.187
Lãi nhận ký quỹ ký cược	472.178.976	408.177.367
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	2.659.358.387	189.498.525
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	1.126.074.167
Lỗ chênh lệch tỷ giá	14.175.168.531	5.755.340.156
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	275.400.000	(670.140.733)
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	621.906.534	509.874.556
	21.467.412.549	12.282.390.225

Công ty Cổ phần Bảo Vệ Thực vật Sài Gòn
Khu phố 1, Nguyễn Văn Quý, P.Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp.HCM

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

30 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2015	Năm 2014 (Đã điều chỉnh)
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	8.667.897.048	10.588.109.831
Chi phí nhân công	59.158.020.881	56.149.781.675
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.925.757.178	2.506.201.575
Chi phí thuê mặt bằng, phòng trọ	5.100.150.875	5.382.752.979
Chi phí vận chuyển, bốc xếp, kiểm định, kiểm nghiệm	12.364.391.193	14.031.644.985
Chi phí quảng cáo, tuyên truyền	7.794.678.370	5.625.546.672
Chi phí khuyến mại	32.618.679.107	25.100.889.762
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	1.837.207.749	2.129.912.225
Chi phí khác	22.238.910.929	20.612.934.309
	151.705.693.330	142.127.774.013

31 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2015	Năm 2014 (Đã điều chỉnh)
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.546.625.399	2.396.870.667
Chi phí nhân công	6.684.027.776	7.546.661.307
Chi phí khấu hao tài sản cố định	541.659.023	670.586.489
Chi phí dự phòng	4.626.337.238	10.643.899.849
Thuế, phí, lệ phí	152.009.045	751.792.612
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.761.969.938	3.294.792.424
Chi phí khác bằng tiền	7.109.538.061	5.741.340.774
	24.422.166.480	31.045.944.122

32 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2015	Năm 2014 (Đã điều chỉnh)
	VND	VND
Bán thùng phuy	3.304.545.460	4.268.227.278
Thu nhập từ chuyển nhượng đất Đồng Tháp	-	764.500.000
*Thanh lý tài sản cố định	723.728.345	3.620.219.911
Cho thuê mặt bằng, máy móc thiết bị	795.989.463	580.267.981
Thu nhập từ chiết khấu thương mại được hưởng	-	2.821.568.880
Thu nhập từ thanh lý vật tư, hàng hóa	-	91.268.177
Thu nhập từ tiền đền bù dự án Bachieng	-	5.679.047.491
Thu nhập từ chuyển nhượng Dự án Km 15 - Paksong	-	3.942.461.375
Thu nhập từ khoản hỗ trợ từ khách hàng	2.002.777.700	-
Thu nhập khác	418.439.030	1.005.930.668
	7.245.479.999	22.773.491.761



Công ty Cổ phần Bảo Vệ Thực vật Sài Gòn
Khu phố 1, Nguyễn Văn Quý, P.Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp.HCM

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

33 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2015 VND	Năm 2014 (Đã điều chỉnh) VND
Giá trị cây cà phê chết không có khả năng phục hồi	-	102.730.128
Chi phí thanh lý tài sản cố định	100.918.786	4.056.539.095
Chi phí chuyển nhượng dự án Núi Thevada - Pakson	4.273.572.340	-
Chuyển nhượng đất Đồng Tháp	-	895.710.700
Chi phí chuyển nhượng dự án Km15 - Paksong	-	7.842.116.846
Chi phí chuyển nhượng dự án Bachieng	-	6.329.866.319
Chi phí thanh lý hàng tồn kho	466.536.970	2.996.312.738
Phạt vi phạm hành chính	1.092.248.478	401.833.934
Chi phí khác	146.791.961	687.822.423
	6.080.068.535	23.312.932.183

34 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí thuế TNDN tại Công ty mẹ	9.003.137.496	5.927.970.231
Chi phí thuế TNDN tại Công ty con	1.718.140.252	1.871.749.123
Chi phí thuế TNDN hiện hành	10.721.277.748	7.799.719.354

35 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÀN LẠI

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ đầu năm	-	295.624.995
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	1.673.117.571	1.159.445.693
- Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước	(1.159.445.693)	(295.624.995)
Số bù trừ với thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(513.671.878)	(1.159.445.693)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	-

Công ty Cổ phần Bảo Vệ Thực vật Sài Gòn
Khu phố 1, Nguyễn Văn Quỳ, P.Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp.HCM

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

b) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ đầu năm	6.977.166.517	5.330.487.823
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	2.806.124.387
Hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(327.680.496)	-
Số bù trừ với tài sản thuế thu nhập hoãn lại	(513.671.878)	(1.159.445.693)
	6.135.814.143	6.977.166.517

c) Chi phí thuế TNDN hoãn lại

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hoãn lại liên quan đến chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	-	2.806.124.387
Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	1.159.445.693	295.624.995
Chi phí thuế TNDN hoãn lại liên quan chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(1.673.117.571)	(1.159.445.693)
Hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(327.680.496)	-
	(841.352.374)	1.942.303.689

36 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	28.027.996.079	22.451.261.918
Các khoản điều chỉnh	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	28.027.996.079	22.451.261.918
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	10.530.000	10.530.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.662	2.132

Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông của Công ty để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2014 bao gồm cả số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi. Năm 2015, theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC, số dự tính phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi được loại ra khi tính Lãi cơ bản trên cổ phiếu.

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Công ty Cổ phần Bảo Vệ Thực vật Sài Gòn
Khu phố 1, Nguyễn Văn Quỳ, P.Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp.HCM

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

37 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	855.621.067.160	837.268.241.586
Chi phí nhân công	73.913.287.540	73.422.629.977
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.391.526.417	8.884.037.746
Chi phí dịch vụ mua ngoài	36.431.544.125	39.241.850.308
Chi phí khác bằng tiền	70.513.161.270	76.974.634.392
	1.042.870.586.512	1.035.791.394.009

38 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị ghi sổ kế toán			
	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	45.937.234.582	-	20.318.146.627	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	265.500.387.302	(44.611.598.237)	249.252.417.302	(39.985.260.999)
Đầu tư ngắn hạn	1.837.670.000	(1.201.190.000)	1.837.670.000	(925.790.000)
	313.275.291.884	(45.812.788.237)	271.408.233.929	(40.911.050.999)

	Giá trị ghi sổ kế toán	
	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	76.123.309.588	82.108.099.889
Phải trả người bán, phải trả khác	264.813.450.951	220.576.472.680
Chi phí phải trả	2.029.315.568	1.364.209.714
	342.966.076.107	304.048.782.283

*Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Công ty Cổ phần Bảo Vệ Thực vật Sài Gòn
Khu phố 1, Nguyễn Văn Quỳ, P.Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp.HCM

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	45.937.234.582	-	-	45.937.234.582
Phải thu khách hàng, phải thu khác	220.607.659.065	281.130.000	-	220.888.789.065
Đầu tư ngắn hạn	636.480.000	-	-	636.480.000
	267.181.373.647	281.130.000	-	267.462.503.647
Tại ngày 01/01/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	20.318.146.627	-	-	20.318.146.627
Phải thu khách hàng, phải thu khác	209.039.355.303	227.801.000	-	209.267.156.303
Đầu tư ngắn hạn	911.880.000	-	-	911.880.000
	230.269.381.930	227.801.000	-	230.497.182.930

Công ty Cổ phần Bảo Vệ Thực vật Sài Gòn
Khu phố 1, Nguyễn Văn Quý, P.Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp.HCM

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2015				
Vay và nợ	74.324.716.719	1.798.592.869	-	76.123.309.588
Phải trả người bán, phải trả khác	259.885.196.951	4.928.254.000	-	264.813.450.951
Chi phí phải trả	2.029.315.568	-	-	2.029.315.568
	336.239.229.238	6.726.846.869	-	342.966.076.107
Tại ngày 01/01/2015				
Vay và nợ	80.885.125.687	1.222.974.202	-	82.108.099.889
Phải trả người bán, phải trả khác	214.868.218.680	5.708.254.000	-	220.576.472.680
Chi phí phải trả	1.364.209.714	-	-	1.364.209.714
	297.117.554.081	6.931.228.202	-	304.048.782.283

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

39 . THÔNG TIN KHÁC

Theo Nghị quyết số 54/NQ/BVTVSG/HĐQT/2014 ngày 13/11/2014, Hội đồng quản trị Công ty CP Bảo vệ Thực vật Sài Gòn đã thống nhất chủ trương chuyển nhượng dự án "Siêu thị Nông nghiệp Sài Gòn tại Kiên Giang".

Theo Nghị quyết số 45/NQ/BVTVSG/HĐQT/2015 ngày 25/06/2015, Hội đồng quản trị Công ty CP Bảo vệ Thực vật Sài Gòn đã thống nhất chủ trương thỏa thuận trực tiếp với Công ty Cổ phần Cơ khí Kiên Giang để chuyển nhượng dự án.

Theo biên bản thỏa thuận ký giữa SPC và Công ty Cổ phần Cơ khí Kiên Giang (bên B) số 694/BVTVSG/KHĐT/2015, hai bên đã thỏa thuận việc chuyển nhượng toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản trên đất với giá 7 tỷ VND. Bên B sẽ ứng trước 1 tỷ VND sau khi thỏa thuận được ký kết. Số tiền 3,5 tỷ đợt 2 được thanh toán khi UBND tỉnh có quyết định chấp thuận cho bên B thuê đất. Số tiền đợt 3 còn lại sẽ được bên B thanh toán khi hai bên thực hiện bàn giao tài sản.

Công ty Bảo vệ Thực vật Sài Gòn đã lập tờ trình UBND tỉnh Kiên Giang xin chủ trương chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất dự án Siêu thị Kiên Giang. Đến thời điểm 31/12/2015, UBND tỉnh Kiên Giang vẫn chưa có Quyết định cho thuê lại đất. Các nghĩa vụ tiếp theo của hợp đồng này sẽ được các bên tiếp tục thực hiện trong năm 2016.

40 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

Công ty Cổ phần Bảo Vệ Thực vật Sài Gòn
Khu phố 1, Nguyễn Văn Quỳ, P. Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp.HCM

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

41 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Ban Giám đốc của Công ty xác định rằng, việc ra các quyết định quản lý của công ty chủ yếu dựa trên các khu vực địa lý mà công ty cung cấp sản phẩm, dịch vụ chứ không dựa trên lĩnh vực kinh doanh của Công ty. Do vậy, báo cáo bộ phận chính yếu của Công ty được lập theo Khu vực địa lý và Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

	Miền Bắc		Miền Trung		Miền Đông		Tây Nguyên		Miền Tây		Vương quốc Campuchia		Quốc gia Lào		Tổng cộng các bộ phận		Loại trừ		Tổng cộng toàn doanh nghiệp			
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND		
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	222.204.904.588	51.161.828.466	107.309.511.248	78.459.949.080	239.364.525.334	171.814.568.496	1.892.211.059	872.207.498.272	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	872.207.498.272	
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	89.428.420	142.013.332	737.457.425.016	1.005.503.383	582.553.814	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(739.276.923.965)	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	9.978.492.806	6.374.145.804	152.511.529.681	8.342.222.541	21.782.980.803	28.298.482.919	464.584.228	227.752.438.782	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	227.752.438.782	
Tổng chi phí mua	-	-	6.719.583.497	-	-	255.064.869	-	6.974.648.367	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	6.974.648.367
Tài sản bộ phận	26.294.634.395	16.796.708.356	401.887.839.376	21.982.848.114	57.401.005.081	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	524.363.035.322
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	60.230.025.196	-	4.954.532.520	65.184.557.716	(42.702.592.503)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	22.481.965.213
Tổng tài sản	26.294.634.395	16.796.708.356	401.887.839.376	21.982.848.114	57.401.005.081	60.230.025.196	4.954.532.520	589.547.593.038	(42.702.592.503)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	546.845.000.535
Nợ phải trả của các bộ	18.371.432.121	11.735.458.374	280.789.420.768	15.358.890.178	40.104.709.297	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	366.359.910.738
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	44.200.496.918	25.975.691.571	70.176.188.489	(57.812.156.636)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	12.364.031.853
Tổng nợ phải trả	18.371.432.121	11.735.458.374	280.789.420.768	15.358.890.178	40.104.709.297	44.200.496.918	25.975.691.571	436.536.099.227	(57.812.156.636)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	378.723.942.591

Công ty Cổ phần Bảo Vệ Thực vật Sài Gòn
Khu phố 1, Nguyễn Văn Quý, P.Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp.HCM

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

42 . NGHIỆP VỤ VÀ SỔ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và sổ dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Mua hàng			
- Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn - TNHH MTV	Công ty mẹ	-	35.293.017.200
Chi trả cổ tức			
- Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn - TNHH MTV	Công ty mẹ	2.100.000.000	4.997.616.000
Lãi vay phải trả			
- Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn	Công ty mẹ	-	259.066.669
Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:			
	Mối quan hệ	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Phải trả cho người bán ngắn hạn			
- Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn - TNHH MTV	Công ty mẹ	-	14.967.549.988
Phải trả khác ngắn hạn			
- Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn - TNHH MTV	Công ty mẹ	4.147.020.000	-
Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:			
		Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
- Thu nhập của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc		1.845.364.055	1.048.261.759

Công ty Cổ phần Bảo Vệ Thực vật Sài Gòn
Khu phố 1, Nguyễn Văn Quỳ, P.Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp.HCM

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

43 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Một số chi tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp với Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp để so sánh với số liệu kỳ này.
Ban Tổng Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số chi tiêu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2014 căn cứ Báo cáo Kiểm toán Nhà nước ngày 24 tháng 08 năm 2015.

Theo đó một số chi tiêu trên Báo cáo tài chính được điều chỉnh và phân loại cụ thể như sau:

Số liệu theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 Số liệu điều chỉnh theo Thông tư 200/2014/TT-BTC và báo cáo kiểm toán Nhà nước cho năm 2014

Mã Số	Khoản mục	Số tiền	Mã Số	Khoản mục	Số tiền	Thay đổi
a) Bảng Cân đối kế toán						
121	Đầu tư ngắn hạn	-	121	Chứng khoán kinh doanh	1.837.670.000	1.837.670.000
129	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-	122	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh	(925.790.000)	(925.790.000)
135	Các khoản phải thu khác	29.216.318.220	136	Phải thu ngắn hạn khác	39.709.169.215	10.492.850.995
139	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(39.985.260.999)	137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	(39.985.260.999)	-
141	Hàng tồn kho	198.991.274.944	141	Hàng tồn kho	200.392.184.116	1.400.909.172
154	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	823.591.527	153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	823.591.527	-
158	Tài sản ngắn hạn khác	10.532.887.828	155	Tài sản ngắn hạn khác	-	(10.532.887.828)
210	Các khoản phải thu dài hạn	-	210	Các khoản phải thu dài hạn	227.801.000	227.801.000
218	Phải thu dài hạn khác	-	216	Phải thu dài hạn khác	227.801.000	227.801.000
221	Tài sản cố định hữu hình	28.784.298.360	221	Tài sản cố định hữu hình	28.821.802.905	37.504.545
222	Nguyên giá	129.428.185.104	222	Nguyên giá	129.465.689.649	37.504.545
230	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1.967.945.681	242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1.967.945.681	1.967.945.681
241	Nguyên giá	4.431.502.273	231	Nguyên giá	4.431.502.273	-
242	Giá trị hao mòn lũy kế	(1.101.537.775)	232	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	(1.101.537.775)	-
258	Đầu tư dài hạn khác	1.837.670.000	253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	(1.837.670.000)
259	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(925.790.000)	254	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	-	925.790.000
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	1.159.445.693	262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	(1.159.445.693)
311	Vay và nợ ngắn hạn	80.885.125.687	320	Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn	80.885.125.687	-

Công ty Cổ phần Bảo Vệ Thực vật Sài Gòn
Khu phố 1, Nguyễn Văn Quỳ, P.Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp.HCM

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

43 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Một số chi tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp với Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp để so sánh với số liệu kỳ này.
Ban Tổng Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số chi tiêu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2014 căn cứ Báo cáo Kiểm toán Nhà nước ngày 24 tháng 08 năm 2015.

Theo đó một số chi tiêu trên Báo cáo tài chính được điều chỉnh và phân loại cụ thể như sau:

Số liệu theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014
và báo cáo kiểm toán Nhà nước cho năm 2014

Mã Số	Khoản mục	Số tiền	Mã Số	Khoản mục	Số tiền	Thay đổi
312	Phải trả người bán	201.879.928.299	311	Phải trả người bán ngắn hạn	201.879.928.299	-
313	Người mua trả tiền trước	310.012.217	312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	310.012.217	-
314	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	4.039.312.698	313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	4.558.623.873	519.311.175
315	Phải trả người lao động	22.862.790.071	314	Phải trả người lao động	22.862.790.071	-
316	Chi phí phải trả	1.364.209.714	315	Chi phí phải trả ngắn hạn	1.364.209.714	-
333	Phải trả dài hạn khác	5.708.254.000	337	Phải trả dài hạn khác	5.708.254.000	-
334	Vay và nợ dài hạn	1.222.974.202	338	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	1.222.974.202	-
335	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	8.136.612.210	341	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	6.977.166.517	(1.159.445.693)
411	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	105.300.000.000	411	Vốn góp của chủ sở hữu	105.300.000.000	-
			411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	105.300.000.000	-
416	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	8.122.496.962	417	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	8.122.496.962	-
417	Quỹ đầu tư phát triển	10.009.878.792	418	Quỹ đầu tư phát triển	14.052.949.670	4.043.070.878
418	Quỹ dự phòng tài chính	4.043.070.878			(4.043.070.878)	
420	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	26.046.165.526	421	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	26.965.268.068	919.102.542
			421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm	4.514.006.150	-
			421b	LNST chưa phân phối kỳ này	22.451.261.918	-



Công ty Cổ phần Bảo Vệ Thực vật Sài Gòn
Khu phố 1, Nguyễn Văn Quỳ, P. Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp.HCM

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

43 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được Công ty TNHH Hàng Kiểm toán AASC kiểm toán. Một số chi tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp với Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp để so sánh với số liệu kỳ này.
Ban Tổng Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số chi tiêu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2014 căn cứ Báo cáo Kiểm toán Nhà nước ngày 24 tháng 08 năm 2015.

Theo đó một số chi tiêu trên Báo cáo tài chính được điều chỉnh và phân loại cụ thể như sau:

Số liệu theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 Số liệu điều chỉnh theo Thông tư 200/2014/TT-BTC và báo cáo kiểm toán Nhà nước cho năm 2014

Mã Số	Khoản mục	Số tiền	Mã Số	Khoản mục	Số tiền	Thay đổi
11	b) Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh		11	b) Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh		
20	4. Giá vốn hàng bán	661.219.654.793	20	4. Giá vốn hàng bán	666.266.856.882	5.047.202.089
24	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	219.149.664.378	20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	214.102.462.289	(5.047.202.089)
25	8. Chi phí bán hàng	140.790.860.934	25	8. Chi phí bán hàng	142.127.774.013	1.336.913.079
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	38.865.592.806	26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	31.045.944.122	(7.819.648.684)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30.268.284.778	30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	32.732.725.383	2.464.440.605
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	30.757.751.445	50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	32.193.284.961	1.435.533.516
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	7.283.288.380	51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	7.799.719.354	516.430.974
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	21.532.159.376	60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	22.451.261.918	919.102.542
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.045	70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.132	87
33	c) Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ		33	c) Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ		
34	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	283.159.399.441	34	3. Tiền thu từ đi vay	283.159.399.441	-
		(274.486.313.924)	34	4. Tiền trả nợ gốc vay	(274.486.313.924)	-

Người lập

Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 03 năm 2016

S. B. K. CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Giám đốc

Nguyễn Quốc Dũng

Bùi Thị Diễm Phúc

Bùi Thị Anh Tuyết





Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 4 năm 2016

Người đại diện theo pháp luật

Giám đốc



Nguyễn Quốc Dũng